

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 863 /CV-TRC

Bà Rịa, ngày 28 tháng 03 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT (TRC)

Mã Chứng khoán: TNC

Trụ sở chính: 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điện thoại: 0643 823119

Fax: 0643 823120

Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điện thoại: 0643 823121

Fax: 0643 823120

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công bố Báo cáo thường niên năm 2015

Thông tin này đã được công bố trên website của TRC tại địa chỉ: <https://www.trcbrvt.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Nhật Thành Lâm



PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Hữu Mạnh Nhung

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016



CP CAO SÚ THỐNG NHẤT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2015

Tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Năm báo cáo: 2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
- Mã số doanh nghiệp : 3500100424
- Vốn điều lệ: 192.500.000.000,đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 192.500.000.000,đồng
- Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh BRVT
- Số điện thoại: 0643.823119 - Số fax: 0643.823120
- Website: *trc.com* - Email : *thongnhat.trc@gmail.com*
- Mã cổ phiếu : TNC - Sàn giao dịch : HOSE

2. Quá trình hình thành và phát triển

→ Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày thành lập: 26/06/2006
 - Thời điểm niêm yết: 27/08/2007
 - Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:
- Các sự kiện khác: không

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng;

Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

STT	Doanh thu	2014	2015
01	Doanh thu bán mũ cao su	71,56%	56,03%
02	Doanh thu thức ăn chăn nuôi	4,18%	0%
03	Doanh thu bán điều nhân và gia công điều	21,69%	42,30%
04	Doanh thu khác	2,57%	1,67%

Tỷ trọng doanh thu thức ăn gia súc bằng 0 là do nhà máy chấm dứt hoạt động cuối tháng 05/2014 do không hiệu quả gây thất thoát vốn.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.

→ Cơ quan quyền lực cao nhất trong công ty là Đại Hội Đồng Cổ Đông

+ Hội đồng quản trị gồm : 01 Chủ tịch HĐQT, 01 Phó Chủ tịch HĐQT và 03 Ủy viên trong đó có 02 Ủy viên là thành viên độc lập không điều hành đồng thời là cổ đông chiến lược ; là cơ quan triển khai và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ;

+ Ban Kiểm soát : Gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên. Là cơ quan kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính theo các định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

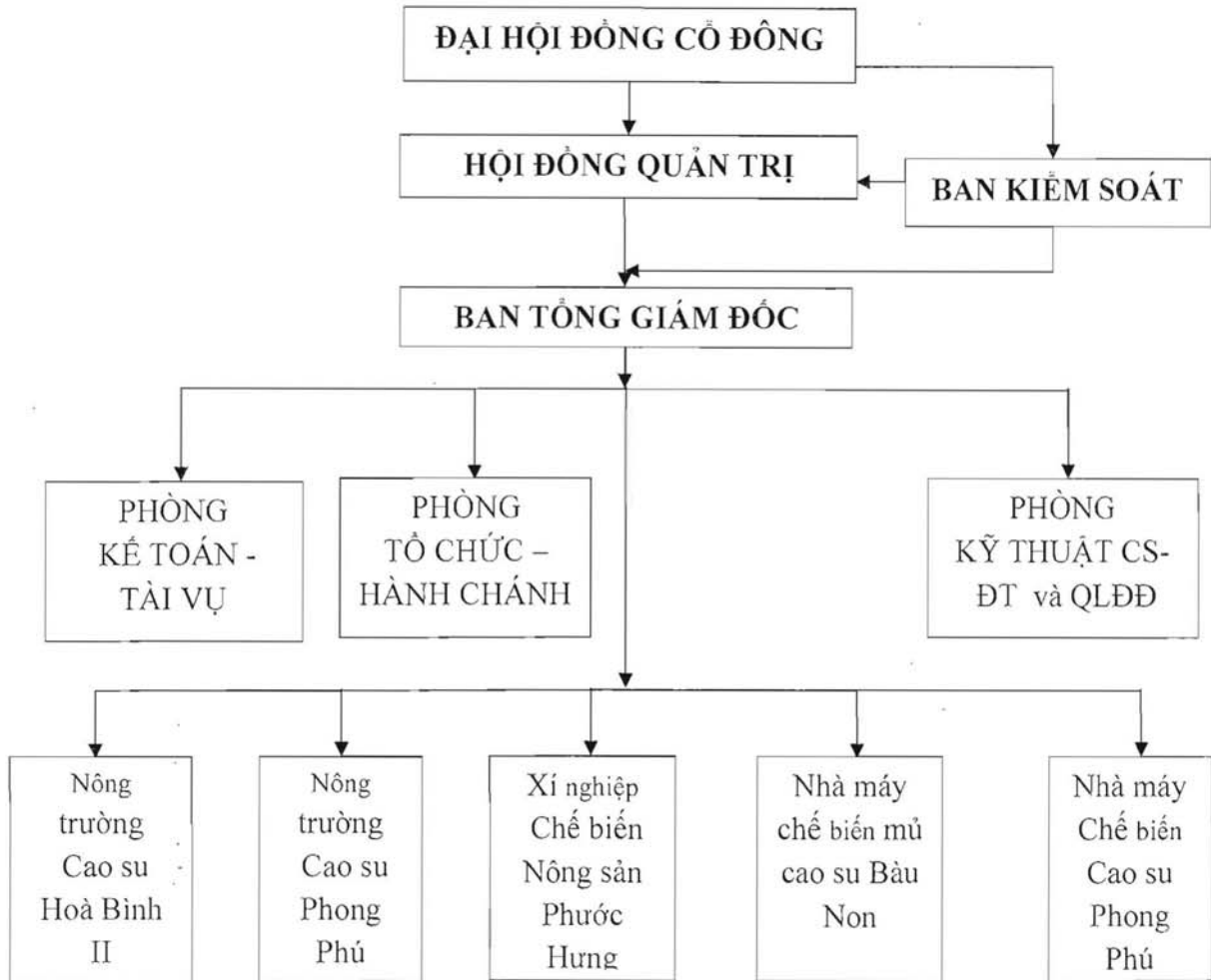
+ Ban Tổng Giám đốc gồm : 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc; là cơ quan điều hành quản lý cấp cao trong công ty, chịu trách nhiệm thực hiện các nghị quyết của HĐQT và chịu sự giám sát của HĐQT;



+ Các phòng ban nghiệp vụ: Phòng Tổ chức- Hành chính, Phòng Kỹ thuật cao su - Đầu tư & QLDD và Phòng Kế toán – Tài vụ : thực hiện việc tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc ra các quyết định điều hành và quản lý SXKD.

+ Các đơn vị sản xuất trực tiếp: Nông trường cao su Hoà Bình 2, Nông trường cao su Phong Phú, Nhà máy chế biến mủ cao su Phong Phú, Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non, Xí Nghiệp chế biến Nông sản Phước Hưng.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



5. Các công ty con, công ty liên kết:

- Công Ty Cổ Phần Xuất – Nhập Khẩu Nông Lâm Sản và Phân Bón Bà Rịa : Tỷ lệ tham gia cổ phần 12% Vốn điều lệ.
- Kết quả hoạt động SXKD của Baria- Serce :
 - + Năm 2010 : Lợi nhuận sau thuế TNDN : 89,559 tỷ đồng
 - + Năm 2011 : Lợi nhuận sau thuế TNDN : 97,550 tỷ đồng
 - + Năm 2012 : Lợi nhuận sau thuế TNDN : 100,400 tỷ đồng
 - + Năm 2013 : Lợi nhuận sau thuế TNDN : 83,171 tỷ đồng
 - + Năm 2014 : Lợi nhuận sau thuế TNDN : 137,300 tỷ đồng
 - + Năm 2015 : Lợi nhuận sau thuế TNDN : 118,468 tỷ đồng

6. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty : Với mục đích huy động vốn từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước, đồng thời sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh. Giữ vững và phát triển thị trường hiện có, đầu tư phát triển các loại hình

kinh doanh mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, chuyển dịch cơ cấu sản xuất – kinh doanh theo hướng tăng tỷ trọng các sản phẩm có hàm lượng trí tuệ cao; nâng cao uy tín, vị thế và phát triển thương hiệu của Công ty nhằm tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Công ty và các cổ đông; không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động trong Công ty; bảo đảm lợi ích của các cổ đông; tăng thu ngân sách nhà nước tại địa phương; đóng góp vào các chương trình an sinh xã hội theo khả năng của Công ty; và các mục tiêu khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định thay đổi, bổ sung.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

→ Về trung hạn :

- Thực hiện việc đổi mới vườn cây cao su bằng biện pháp thanh lý dần và trồng mới giống cây có năng suất cao và khả năng kháng bệnh tốt để dần dần thay thế hoàn toàn những vườn cây cao su do trước đây trồng không đúng kỹ thuật, giống cây cũ, năng suất thấp. Tuy nhiên, theo dự báo của những nhà nghiên cứu về thị trường cao su cho thấy rằng: khả năng giá cao su có thể hồi phục khoảng giữa năm 2018; Nếu dự báo này đúng thì nguy cơ khủng hoảng đối ngành cao su là có khả năng xảy ra. Vì vậy trong định hướng trung hạn, HĐQT có xem xét tính đến khả năng phát triển xen canh cây ngắn ngày hoặc thay thế cây dài hạn khác.
- Đào tạo và mở rộng đội ngũ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại để tăng thị phần đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh nông sản.
- Xem xét việc mua lại cổ phiếu quỹ của công ty nhằm giữ ổn định giá thị trường của cổ phiếu TNC khi giá xuống thấp dưới mệnh giá..
- Đào tạo đội ngũ nhân viên trẻ kế thừa với đầy đủ Tâm – Tầm – Tài để điều hành công ty.
- Trong giai đoạn từ nay đến 2018, duy trì và ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh để công ty đứng vững , tránh để xảy ra tình trạng thất thoát vốn do thua lỗ trong SXKD. Sau 2018 tùy vào tình hình thị trường để có những chiến lược phù hợp để phát triển công ty.

→ Trong dài hạn:

+ Hiện tại , Hội đồng quản trị công ty chưa có chiến lược gì trong dài hạn.

+ Các rủi ro: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty).

- **Thời tiết** : Trong trường hợp thời tiết xấu như mưa kéo dài hoặc hạn hán kéo dài có thể làm giảm sản lượng vườn cây cao su do phát sinh bệnh vườn cây, làm tăng giá nông sản do mất mùa ... do vậy nên giảm doanh thu và lợi nhuận. Mặt khác, các cơn bão sẽ là mối đe dọa lớn nhất đối với vườn cây cao su;
- **Biến động nền kinh tế thế giới**: Sự suy giảm , khủng hoảng nền kinh tế thế giới và sụt giảm đáng kể của giá dầu thô, khủng bố và nguy cơ chiến tranh ... sẽ kéo theo sự sụt giảm giá tiêu thụ cao su sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến doanh thu và lợi nhuận công ty. Và sự sụt giảm rõ rệt trong năm 2013 kéo dài đến hết năm 2014 và đang tiếp tục suy giảm từ đầu năm 2015. Tại thời điểm lập báo cáo thường niên này, giá tiêu thụ sản phẩm mủ cao su SVR3L thấp hơn giá thành sản xuất (chưa phân bổ phí quản lý) khoảng 10 triệu đồng/tấn. Cầu thị trường yếu ớt trong đầu năm 2016.
- **Lạm phát** : Lạm phát tăng có thể ảnh hưởng đến các yếu tố chi phí đầu vào như : phân bón, điện, nước sinh hoạt ... trong khi giá bán sản phẩm cao su phụ thuộc rất nhiều vào thị trường thế giới nhất là trong giai đoạn hiện nay; Điều quan trọng nhất là ảnh hưởng đến đời sống của người lao động do tiền lương tính theo giá bán từ đó có khả năng công nhân bỏ việc cũng ảnh hưởng làm giảm sản lượng cao su.
- **Chính sách thuế**: Tiền thuê đất tính theo vị trí đất là không phù hợp đối với ngành sản xuất nông nghiệp (ngành nông nghiệp chỉ nên tính theo hạng đất) , do vậy, tiền thuế tăng cao sẽ đẩy giá thành tăng theo.
- **Chính sách tiền lương theo cơ chế hiện hành** (điều chỉnh theo năng suất, lợi nhuận năm thực hiện so với năm trước) là không phù hợp với ngành cao su vì: giá bán mủ cao su là do thị trường thế giới quyết định, phụ thuộc vào khủng hoảng, suy thoái kinh tế toàn cầu... Vì vậy, khi giá bán giảm thì tất yếu lợi nhuận sẽ giảm. Cụ thể là năm 2014 so với 2012 giá bán đã giảm 70%, so với năm 2013 giảm 37%, năm 2015 giá bán giảm so với 2013 là 27%. Về năng suất: Cây cao su rất nhạy cảm với thay đổi thời tiết, bệnh dịch cây phát sinh rất nhanh và lan toả rộng. Việc trị bệnh vườn cây chỉ là giải pháp đối phó. Trong đó, hạn

hán là nguyên nhân làm giảm sản lượng một cách đáng kể. Mặt khác, công nhân bỏ việc do tiền lương giảm cũng gây giảm sản lượng vì: Công nhân mới tuyển dụng sẽ không có tay nghề chuẩn như công nhân đã làm lâu. Ít nhất sau 12 tháng công nhân mới có tay nghề đạt.

→ **Cơ chế vốn nhà nước chi phối** : Cơ chế công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối cũng ảnh hưởng không nhỏ đến các chiến lược của công ty do : Việc áp dụng các cơ chế đối với công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu đối với công ty cổ phần có vốn Nhà nước chi phối 100% là chưa phù hợp. Trường hợp này nếu như 49% vốn của các đồng còn lại không đồng thuận thì tất yếu sẽ dẫn đến các nghị quyết không được thông qua và cơ chế hoạt động của công ty sẽ gặp khó khăn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: (Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp... vvv.)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: (So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.)

DVT : triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2015 (ĐHĐCĐ)	Thực hiện 2014	% So với KH 2015	% So với 2014
Tổng tài sản	321.079		332.605		96,53
Tổng doanh thu	128.312	105.000	99.365	122,20	129,13
Lợi nhuận từ HĐKD	(6,241)		3.738		(226,95)
Lợi nhuận từ hoạt động khác	21,860		17.635		123,96
Tổng lợi nhuận trước thuế	15,620	3.800	21.373	411,05	73,08
Tổng lợi nhuận sau thuế	12,892		17.501		73,66
Nộp Ngân sách	11.956	8.500	9.334	140,66	128,09
Tỉ lệ cổ tức	Dự kiến 3%	1%-3%	5%	100,00	60%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

+ DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

2.1 – Ông **LÊ VĂN LỢI** :

- Chức vụ : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty;
- Trình độ : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Năm sinh : 1956
- CMND : 270098489
- Địa chỉ thường trú: 279 đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Phước Hiệp , Thành phố Bà Rịa , Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quá trình công tác : Từ năm 1992 đến nay công tác tại Công ty Cao su Thống Nhất nay là Công Ty Cổ Phần cao su Thống Nhất
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 5.775.000 cp (Đại diện phần vốn nhà nước : 30% VDL) đến ngày 31/12/2015.
- Họ tên người có liên quan : Theo danh sách kèm theo.

2.2- Ông **NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG**:

- Chức vụ : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD , Kế toán trưởng công ty;
- Trình độ : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Luật Sư, Cử nhân kinh tế.
- Năm sinh : 1966

- CMND : 273435935
- Địa chỉ thường trú: 282 đường Lê Hồng Phong, phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quá trình công tác : Từ năm 1992 đến nay công tác tại Công ty Cao su Thống Nhất nay là Công Ty Cổ Phần cao su Thống Nhất
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 4.043.700 cp (Đại diện phần vốn nhà nước : 21% VDL là 4.042.500cp) đến ngày 31/12/2015.
- Họ tên người có liên quan : Theo danh sách kèm theo.

2.3 – Ông **NGUYỄN VĂN THOẠI** :

- Chức vụ : Thành viên HĐQT ;
- Trình độ : Sư phạm tiểu học
- Năm sinh : 1961
- CMND : 270734729
- Địa chỉ thường trú: 08/6 ấp Trần Cao Vân, xã Bàu Hàm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
- Quá trình công tác : Từ năm 1979-2000 : Giáo viên tiểu học; Từ 2001 đến nay Phó giám đốc Công Ty TNHH Hưng Nhơn.
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 1.000.000, cp (Đại diện Công ty TNHH Hưng Nhơn)
- Họ tên người có liên quan : Theo danh sách kèm theo.

2.4 – Ông **ĐỖ KHẮC TÙNG**:

- Chức vụ : Thành viên HĐQT công ty;
- Trình độ : 12/12
- Năm sinh : 1959
- CMND : 270576208
- Địa chỉ thường trú: Ấp Núi Trung, huyện Long Khánh – Tỉnh Đồng Nai
- Quá trình công tác : Từ năm 1999 đến nay : Chủ cơ sở phân bón Long Khánh
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 400.000 cp (cá nhân)
- Họ tên người có liên quan : Theo danh sách kèm theo.

2.5 – Ông **NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM** :

- Chức vụ : Thành viên HĐQT ;
 - Trình độ : Cử Nhân Kinh tế
 - Năm sinh : 1977
 - CMND : 273145541
 - Địa chỉ thường trú: Tổ 1, KP7, Phường Phước Hưng, TP.Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
 - Quá trình công tác : Từ năm 2004 đến nay công tác tại Công ty Cao su Thống Nhất nay là Công Ty Cổ Phần cao su Thống Nhất
 - Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cp .
 - Họ tên người có liên quan : Theo danh sách kèm theo.
- Những thay đổi trong ban điều hành: *(Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)*:

– **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

* Tổng số người lao động trong công ty có mặt vào thời điểm ngày 31/12/2015 là : 479, người .
Trong đó : Lao động trực tiếp sản xuất (không tính phụ trợ) : 360, người chiếm tỷ lệ : 75,16, %

* Chính sách đối với người lao động: công ty luôn tạo mọi điều kiện cho người lao động trong công ty được học tập, nâng cao tay nghề và cuộc sống ngày càng được ổn định đi lên.

- Áp dụng cơ chế khen thưởng, kỷ luật hợp lý và kịp thời nhằm động viên tốt, ngăn chặn xấu.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ trong năm cho người lao động để bảo đảm ..chăm lo sức khỏe cho người lao động.
- Hàng năm, tổ chức cho người lao động được tham quan nghỉ mát cho người lao động trong và ngoài nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: *Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với*

trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

Trong năm 2015, Công Ty đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên về đầu tư XDCB với tổng kinh phí 17.136,30 triệu đồng, đạt 57,23 % KH (Chi tiết xem phụ lục 01) trong đó:

- Trồng tái canh 318,88 ha cao su và chăm sóc 758,02 ha cao su kiến thiết cơ bản tại 02 Nông trường với tổng chi phí: 16.574,0 triệu đồng.

- Các công trình xây dựng và đầu tư khác: 562.300,0 triệu đồng.

Một số công trình XDCB nằm trong kế hoạch năm 2015 chưa thực hiện sẽ chuyển sang các năm sau.

b) **Các công ty con, công ty liên kết:** (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: không

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: Không

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: công ty có kế thừa khoản góp vốn vào Công ty Cổ Phần XNK Nông Lâm Sản và phân bón Bà Rịa (Baria- Serece) 1.796.000 USD. Hoạt động chủ yếu của Baria – Serece là khai thác các dịch vụ về cảng biển và dịch vụ kho bãi như : bốc dỡ hàng hoá, cập tàu, cho thuê kho... Thu nhập trước thuế năm 2013 của Baria- Serece khoảng gần 83,tỷ đồng. Tuy nhiên, do còn phải đầu tư mở rộng quy mô nên hiện tại chia cổ tức cho cổ đông khoảng 40% lợi nhuận sau thuế TNDN.

Hiện nay các cổ đông nước ngoài đã mua lại cổ phần của cổ đông Bitex (nắm giữ : 10% VDL) và Việt Hà (nắm giữ : 08% VDL). Với tỷ lệ nắm giữ như vậy, các cổ đông nước ngoài sẽ quyết định tất cả các vấn đề tại Baria-Serece mà không cần có ý kiến của Cổ đông Công Ty Cổ Phần Cao su Thống Nhất (TRC). Trong tương lai, nếu các cổ đông này thực hiện việc tăng vốn điều lệ thì khả năng tỷ lệ nắm giữ của TRC sẽ nhỏ dần.

4. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2014	% tăng(+) giảm(-)
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>				
Tổng giá trị tài sản	Đồng	321.079.382.070	332.604.942.510	(3,47%)
Doanh thu thuần	Đồng	83.401.333.327	63.873.191.649	30,57%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	(6.240.556.675)	3.738.037.761	(226,95%)
Lợi nhuận khác	Đồng	21.860.062.892	17.634.905.385	23,96%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	15,619,506,217	21.372.943.146	(26,92%)
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	12.892.482.573	17.501.358.112	(30,50%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	44,79	51,89	(13,68%)
a) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:				
Các chỉ tiêu	ĐVT	2015	2014	
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	10,08	6,84	
TSLĐ/Nợ ngắn hạn				
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	9,17	5,91	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	5,81%	8,98%	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	6,16%	9,86%	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,73	2,26
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	25,98%	19,20%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	15,46%	29,04%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,26%	6,13%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,02%	5,58%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	(7,48%)	5,85%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- a) Cổ phần: Tất cả cổ phần trong Công Ty Cổ Phần Cao Su Thống Nhất hiện đang lưu hành đều là cổ phần phổ thông.
- b) Cơ cấu cổ đông: *Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.*
- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

III. Các chứng khoán khác: Không

IV. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

– *Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).*

So với kế hoạch đề ra, năm 2015, công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch. Về những thuận lợi và khó khăn sẽ được trình bày cụ thể dưới đây.

A-ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH :

1/ Diễn biến thị trường và dự báo về sản phẩm cao su:

Giá cao su thiên nhiên trên thế giới tiếp tục giảm trong những tháng đầu năm, đến giữa quý II/2015 có phục hồi trở lại nhờ các nhà sản xuất cao su tại các nước Thái Lan, Indonesia đã thông nhất hạn chế nguồn cung nhằm đẩy giá cao su lên. Tuy nhiên trong nửa cuối tháng 6/2015 giá cao su bắt đầu giảm trở lại và giảm sâu trong tháng 7 đến nay trước sức ép nguồn cung gia tăng trong mùa mưa và các yếu tố bất lợi khác như giá dầu hạ xuống gần mốc 35 USD/thùng, đặc biệt là sự bất ổn trên thị trường chứng khoán Trung Quốc, bất chấp những biện pháp can thiệp từ Chính phủ Trung Quốc và việc thực hiện chính sách điều chỉnh giảm tỷ giá đồng Nhân dân tệ trong 3 lần với mức giảm lên đến 4,6%, từ đó làm gia tăng lo ngại về tốc độ tăng trưởng kinh tế và khả năng tiêu thụ cao su thiên nhiên của nước này.

Theo dự báo của Tổ chức Nghiên cứu Cao su quốc tế (IRSG), nguồn cung cao su tăng nhanh tại Việt Nam và một số quốc gia khác do diện tích tích tăng và có xu hướng vượt nhu cầu thế giới trong giai đoạn 2014-2015, sẽ tiếp tục tạo áp lực làm giá cao su thiên nhiên khó tăng trong năm 2015 và xu hướng giá thấp có thể kéo dài sang nhiều năm tới. Theo chuyên gia Hidde Smit, cựu Tổng Thư ký của IRSG giá cao su tự nhiên sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp từ 1,5-1,6 USD/kg từ nay đến năm 2020.

2-Khó khăn :

Do giá bán cao su thấp hơn giá thành sản xuất, sản phẩm khó tiêu thụ, lượng tồn kho các tháng cuối năm lớn là nguyên nhân chủ yếu mà Ngành Cao su nói chung và Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất nói riêng tiếp tục đứng trước những khó khăn thách thức trong năm 2015. Bên cạnh đó hiện tượng El Nino tiếp tục ảnh hưởng đến nước ta và có khả năng kéo dài đến đầu năm 2016.

- Mùa mưa đến muộn và kết thúc sớm, tổng lượng mưa phổ biến trong 2 năm 2014-2015 thiếu hụt so với trung bình nhiều năm. Đến tháng 6/2015 hai Nông trường mới tổ chức khai thác lấy mù và dự báo kết thúc niên vụ thu hoạch mù vào nửa cuối tháng 01/2016.

- Giá bán cao su ở mức rất thấp đã ảnh hưởng đến tiền lương, thu nhập của Người lao động dẫn đến công nhân xin nghỉ việc, bỏ việc trong năm nhiều, cụ thể:

+ NTCS Hòa Bình 2: 68 người, trong đó công nhân cạo mù 62 người.

+ NTCS Phong Phú: 18 người, trong đó công nhân cạo mù 15 người.

- Do thiếu lao động để bố trí phân cây cạo, NTCS Phong Phú tổ chức cạo d/4 trên toàn bộ diện tích vườn cây nhóm 1, nhưng vẫn thiếu 03 lao động. NTCS Hòa Bình 2 thiếu 08 lao động cạo mù trong 6 tháng cuối năm.

3-Thuận lợi :

- Ngay từ đầu năm Đảng ủy, HĐQT đã có nhận định đúng đắn về những khó khăn trong hoạt động SXKD của Công ty năm 2015, đề ra nhiều biện pháp, giải pháp tích cực để đối phó với tình hình giá cả, thị trường đồng thời kêu gọi các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh vận động đoàn viên, hội viên và người lao động đồng cảm, chia sẻ, chung sức đồng lòng cùng Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay giữ vững, ổn định để phát triển. Tập trung hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu, Nghị quyết, các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 2015 và đảm bảo đời sống, thu nhập của người lao động toàn Công ty.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc thường xuyên kiểm tra cơ sở, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời, có hiệu quả. Các đơn vị trực thuộc đã triển khai thực hiện đạt kết quả tốt như: không điều chỉnh kế hoạch sản lượng, nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu giao từ đầu năm, hoàn thành kế hoạch trồng tái canh, chăm sóc tốt vườn cây trong thời kỳ KTCB. Đảm bảo chất lượng cao su thiên nhiên SVR3L, RSS đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3769:2004. Hoàn thành các chỉ tiêu tài chính như: doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách...

- Trước những khó khăn của Ngành Cao su, chế biến, gia công nông sản, các sở, ngành và các cấp chính quyền địa phương đã có sự quan tâm, chia sẻ và hỗ trợ tích cực trên các lĩnh vực quản lý doanh nghiệp, hướng dẫn thực hiện các chính sách pháp luật đảm bảo tình hình an ninh quốc phòng & trật tự xã hội trên địa bàn đứng chân.

B-KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015:

Căn cứ nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015, ngày 27/4/2015 và nghị quyết Hội nghị Người lao động Công ty CP Cao su Thống Nhất, ngày 22/5/2015.

1. Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cao su :

1.1. Diện tích cây cao su:

***Tổng diện tích vườn cây : 2.067,05 ha :**

- Diện tích cao su khai thác : 835,69 ha Trong đó: NTCS Phong Phú : 264,13 ha và NTCS Hòa Bình 2 : 571,56 ha

- Diện tích chăm sóc cao su KTCB : 758,02 ha Trong đó : NTCS Phong Phú : 180,11 ha và NTCS Hòa Bình 2 : 577,91 ha (đã trừ 1,77 ha đường điện Bàu Lâm-Hòa Hiệp)

- Diện tích cao su tái canh : 318,88 ha (đã trừ 4,48 ha đất đá bàn không trồng được)

- Diện tích cao su thanh lý tái canh năm 2016: 152,16 ha.

- Diện tích vườn ươm, vườn nhân: 2,3 ha, trong đó: vườn ươm 1,5 ha và vườn nhân 0,8 ha.

1.2 Công tác tái canh trồng mới trên diện tích 318,88 ha.

- Thời gian bắt đầu thi công: 15/6/2015.

- Thời gian hoàn thành: 07/8/2015.

- Cơ cấu giống: RRIV1: 37,40 ha tỷ lệ 11,73% - RRIV5: 45,76 ha tỷ lệ 14,35% và RRIV 124: 235,72 ha, tỷ lệ 73,92%.

- Diện tích theo loại bầu trồng:

+ Bầu cắt ngọn: 92,81 ha

- + Bầu 1 tầng lá : 46,17 ha.
- + Bầu 2 tầng lá: 144,14 ha
- + Bầu 3 tầng lá: 35,76 ha.
- Tổng số bầu trồng mới 196.500 bầu, trong đó:
- + Nông trường cung cấp 116.500 bầu, (BCN: 51.500, B1TL: 30.000, B3TL; 35.000).
- + Mua cơ sở tư nhân: 80.000 bầu 2 tầng lá.

1.3. Sản lượng khai thác mủ :

* Tổng sản lượng mủ quy khô: 1.101,71 tấn, đạt 98,28% (1.121,0 tấn)

Trong đó :

- NTCS Hòa Bình 2 : 671,38 tấn, đạt 95,37 % KH (704 tấn)
- NTCS Phong Phú : 430,33 tấn, đạt 103,20 % KH (417 tấn)

1.4. Năng suất vườn cây : bình quân **1.318,3 kg/ha**, trong đó :

- NTCS Hòa Bình 2 : 1.174,6 kg/ha (so với năm trước tăng 83,6 kg/ha, tỷ lệ tăng 7,66 %)
- NTCS Phong Phú : 1.629,24 kg/ha (so với năm trước tăng 77,64 kg/ha, tỷ lệ tăng 4,77 %).

1.5. Lỗi phạm kỹ thuật bình quân năm 2015:

- NTCS Hòa Bình 2 :
- + Vườn cây nhóm I : 0,75 lỗi/CN/tháng
- + Vườn cây nhóm II : 0,74 lỗi/CN/tháng
- NTCS Phong Phú :
- + Vườn cây nhóm I : 0,27 lỗi/CN/tháng
- + Vườn cây nhóm II : 0,94 lỗi/CN/tháng
- * Cả 02 Nông trường đều đạt mục tiêu chất lượng đề ra.

1.6. Chế biến cao su :

* Tổng sản lượng mủ chế biến 1.438,39 tấn, đạt 78,82 % KH năm.

Bao gồm :

- Cao su SVR3L: 968,21 tấn, đạt 83,11 % KH năm (trong đó gia công: 328,80 tấn)
- Cao su RSS : 470,18 tấn, đạt 71,24 % KH năm (trong đó gia công: 56,43 tấn)

Cả 2 Nhà máy đều đạt MTCL đề ra : Nhà máy chế biến cao su Bầu Non đạt 100% SVR3L và Nhà máy chế biến cao su Phong Phú đạt 99% RSS1-3.

1.7. Tiêu thụ cao su : Tổng sản lượng 1.427.44 tấn sản phẩm, đạt 93,0% so với kế hoạch

Trong đó:

- Cao su SVR-3L : 989,04 tấn, đạt 98,90% KH
- Cao su RSS1-3 : 313,75 tấn, đạt 78,44% KH
- Mủ tạp : 124,65 tấn, đạt 99,72% KH

Giá bán bình quân : 28,7 triệu đồng/tấn SVR-3L, 29,5 triệu đồng/tấn RSS và 12,1 triệu đồng/tấn mủ tạp, giá bán giảm bình quân 6.536.000 đ/tấn, tỷ lệ giảm 18,3% so với năm 2014.

1.8. Sản phẩm tồn kho cuối kỳ (31/12/2015):

- Cao su SVR-3L: 359,tấn;
- Cao su RSS1-3 : 277,tấn;
- Mủ tạp : 4,3,tấn

2. Chế biến và gia công điều nhân :

- Thu mua và chế biến: 566,45 tấn nguyên liệu, đạt 56,65% KH.
- Gia công : 2.626,48 tấn nguyên liệu, đạt 123,89 % KH.

3. Thực hiện các chỉ tiêu tài chính

- Tổng doanh thu và thu nhập khác : 128.312,0 triệu đồng, đạt 122,20% KH.
- Lợi nhuận trước thuế : 15.619,0 triệu đồng, đạt 411,02 % KH

- Nộp Ngân sách : 11.956,0 triệu đồng, đạt 140,65 % KH.

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng doanh thu : 12,17 %

4. Các khoản đầu tư lớn trong năm :

Vốn đầu tư XDCB theo kế hoạch năm 2015: **29.944 triệu đồng.**

Stt	Nội dung	ĐVT	KL	Giá trị KH	Giá trị TH
A	NGUỒN VỐN DOANH NGHIỆP				
I	Các công trình XDCB năm 2014 chuyển sang năm 2015			1.170.000.000	0
1	NTCS Hòa Bình 2			960.000.000	0
	Xây tường rào xung quanh Nông trường	m	530.0	960.000.000	0
2	XN CBNS Phước Hưng			210.000.000	0
	Lợp lại mái nhà kho thành phẩm	m2	800.0	90.000.000	0
	Mua mới đầu thổi máy bóc lụa	cái	2.0	120.000.000	0
II	Các công trình đầu tư mới trong năm 2015			28.774.037.499	17.136.300.000
1	NTCS Hòa Bình 2			1.526.600.000	463.800.000
	Trang bị mới máy phun thuốc	cái	2.0	125.000.000	121.800.000
	Làm hàng rào kẽm gai Đội 1, 2, 3	m	395.0	31.600.000	
	Nhà làm việc cơ giới	m2	20.0	50.000.000	
	Làm vòm mái che, nền xi măng Đội 3 và Đội XDCB	m2	240.0	72.000.000	
	Làm đường lộ 39,40,43,58,74,79,86,89,95,63,64,65	km	3.0	1.050.000.000	
	Đào mương chống lún chiếm lộ trồng mới 44,57,24,62,85,				112.400.000
	90,95,88,96,71,72 đợt 1	m3	5.436.0	126.000.000	
	Lắp hố bom điện tích trồng mới đợt 1	m3	12.422.0	72.000.000	229.600.000
2	NTCS Phong Phú			105.000.000	98.500.000
	Thay mới kính, ron cửa chính nhà Văn phòng	m2	3.0	500.000	
	Di dời đường dây điện chòi thùng	m	360.0	2.500.000	2.500.000
	Làm sân bê tông trước nhà chứa mù tạt	m2	24.0	6.000.000	
	Đào hố tích mùn vườn cây năm 5	hố	8.000.0	64.000.000	64.000.000
	Đào hố tích mùn vườn cây năm 6 (50% DT còn lại)	hố	4.000.0	32.000.000	32.000.000
3	Nhà máy chế biến mù cao su Phong Phú			105.000.000	0
	Xây tường, làm nền xung quanh chống tràn tại trạm XLNT	m3	1.0	5.000.000	
	Khoan giếng công nghiệp sâu từ 60 - 80m	giếng	1.0	100.000.000	
4	Nhà máy chế biến mù cao su Bàu Non			25.100.000	0
	Thay tôn nóc nhà xưởng chế biến mù	m	20.0	2.000.000	
	Thay xà gỗ mái và nóc nhà xưởng chế biến mù	m	100.0	9.000.000	
	Thay mới các tôn bị mục tại kho chứa mù, xưởng gỗ	m	100.0	9.600.000	
	Thay tôn Fibrociment và xà gỗ gỗ nhà để rác nguy hại	m2	18.0	4.500.000	
5	XN CBNS Phước Hưng			910.000.000	0
	Trang bị xe tải Hyundai 3.5 tấn	chiếc	1.0	480.000.000	
	Xe nâng Mitsubishi FD25T	chiếc	1.0	430.000.000	
6	Diện tích cao su xây dựng cơ bản		1.061.6	26.102.337.499	16.574.000.000
	* Trong đó:				

6	NTCS Phong Phú		180.11	1.700.313.420	1.414.000.000
	Chăm sóc năm 3	ha	92.46	901.550.955	
	Chăm sóc năm 4	ha	0.0	0	
	Chăm sóc năm 5	ha	29.80	311.540.871	
	Chăm sóc năm 6	ha	34.00	301.740.802	
	Chăm sóc năm 7	ha	23.85	185.480.792	
6	NTCS Hoà Bình 2		881.480	24.402.024.079	15.160.000.000
	Vườn ương tum trần	ha	1.0	557.986.418	
	Chăm sóc bầu 3 tầng lá	bầu	35.000.0	121.683.168	
	Chăm sóc bầu 1 tầng lá	bầu	35.000.0	58.432.760	
	Vườn nhân	ha	0.80	115.723.915	
	Trồng mới	ha	300.00	18.181.187.652	
	Chăm sóc năm 2	ha	102.97	1.296.685.826	
	Chăm sóc năm 3	ha	117.93	1.102.566.576	
	Chăm sóc năm 4	ha	101.07	807.220.149	
	Chăm sóc năm 5	ha	94.80	882.429.639	
	Chăm sóc năm 6	ha	90.00	744.386.577	
	Chăm sóc năm 7	ha	71.21	521.040.914	
	Chăm sóc năm 8	ha	1.70	12.680.485	
	TỔNG CỘNG			29.944.037.499	17.136.300.000

- Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2015: 29.944.037.499 đồng (chưa điều chỉnh)

- Thực hiện năm 2015 : 17.136.300.000 đồng, đạt 57,23% KH, trong đó:

+ Đầu tư trồng mới, chăm sóc cao su: 16.574.000.000 đồng

+ Đầu tư XD CB khác: 562.300.000 đồng.

5-Lao động, tiền lương và thu nhập của người lao động:

Tổng số lao động có mặt cuối kỳ (31/12/2015): 479 người, trong đó lao động trực tiếp sản xuất 360 người, đạt tỷ lệ 75,16 % .

- Tổng quỹ lương: 31.783.397.803 đồng.

- Thu nhập bình quân: 5.137.443 đồng/người/tháng.

Trong đó:

+ Trồng, khai thác cao su: 4.765.000 đồng/người/tháng.

+ Chế biến: 4.105.000, đồng

6. Những biện pháp, giải pháp thực hiện để đạt được kết quả SXKD, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2015.

6.1. Tập trung nâng cao hiệu quả trên cơ sở tăng năng suất, chất lượng, tiết giảm chi phí hợp lý trong khai thác, chế biến cao su và đầu tư tái canh trồng mới, chăm sóc vườn cây XD CB, cụ thể:

- Chuyển chế độ cạo d/4 đối với vườn cây nhóm I của NTCS Phong Phú.

- Giảm chi phí bón phân, bón phân 1 lần trong năm đối với vườn cây khai thác.

- Tiết kiệm vật tư trang bị vườn cây, công cụ dụng cụ, nước, điện sản xuất & sinh hoạt, hóa chất, củi chất đốt... từ 8-10%.

- Kiểm tra, rà soát xác lập lại định mức kinh tế- kỹ thuật áp dụng kể từ năm 2015, khảo sát các cụ lý vận chuyên mù hàng ngày ở 02 Nông trường, định mức lao động tại 02 Nhà máy chế biến mù...

- Sử dụng thuốc phòng trị khô miệng cạo Rublatex, đồng thời thử nghiệm Rublatex thay cho thuốc kích thích Stimulatex 2,5% mang lại kết quả khả quan như: tăng đáng kể số lượng cây khai thác trên một phân cạo khi những cây khô miệng cạo hoàn toàn phục hồi và cho mù trở lại

(khoảng 70%), hiệu quả kích thích mù gia tăng và duy trì ổn định trong nhiều phiên cạo từ 20-56,6%. (02 Nông trường tiếp tục sử dụng, theo dõi và tổng kết báo cáo cuối năm).

- Tăng cường lực lượng bảo vệ vườn cây để thu mù chén qua đêm đối với vườn cây khai thác sử dụng chất kích thích mù, mù chảy lại.

- Quản lý chặt chẽ suất đầu tư trồng mới, chăm sóc vườn cây XDCCB, hạn chế các phát sinh ngoài dự toán để đảm bảo thực hiện chủ trương giảm 30% so với các năm trước. Suất đầu tư cho 1 ha cao su thời kỳ kiến thiết cơ bản khu vực Miền Đông Nam Bộ không quá 70 triệu đồng/ha.

6.2. Tổ chức thi tay nghề, nâng bậc lương cho người lao động.

Để đảm bảo quyền và lợi ích của Người lao động, Công ty đã tổ chức thi nâng bậc lương cho cán bộ, công nhân viên các Nông trường, Xí nghiệp, Nhà máy chế biến Cao su từ ngày 10 đến 12/11/2015. Kết quả thi lý thuyết và thực hành:

- Tổng số CBCNV dự thi nâng bậc lương: 315 người

- Tổng số CBCNV đạt yêu cầu: 313 người

6.3. An toàn vệ sinh lao động:

- Kiểm tra, sửa chữa, thay thế các thiết bị, dụng cụ PCCC. Thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy tại các Nhà máy, Xí nghiệp chế biến, các Nông trường như: làm đường ngăn lửa chung quanh nhà máy, vườn cây cao su, trang bị đầy đủ dụng cụ PCCC, quét lá, dọn dẹp vệ sinh, tổ chức trực gác lửa trong suốt mùa khô.

- Kiểm định thiết bị theo đúng quy định yêu cầu nghiêm ngặt ATLD.

- Đặt các biển báo, nội quy ATVSLĐ tại nơi làm việc, sản xuất.

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho Người lao động đúng quy định, tiêu chuẩn theo ngành nghề.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, khám bệnh nghề nghiệp, đo môi trường làm việc, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật...

- Tuyên truyền, huấn luyện về Bảo hộ lao động, ATVSLĐ và PCCC cho người lao động. Tổ chức diễn tập phòng chống cháy theo quy định của pháp luật.

6.4. Bồi dưỡng tay nghề cho Người lao động.

Hàng năm các Nông trường đều có triển khai thực hiện công tác đào tạo tay nghề, kỹ thuật cho công nhân tuyển mới; bồi dưỡng, đào tạo nâng cao cho công nhân xếp hạng trung bình, yếu của năm trước.

7- Công tác bảo vệ môi trường:

Năm 2015 Công ty luôn chấp hành tốt các quy định pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường. Thực hiện báo cáo giám sát môi trường 02 lần/năm cho 03 đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty. Các chỉ tiêu phân tích môi trường đều nằm trong quy chuẩn cho phép.

- Nâng cấp sửa chữa Hệ thống XLNT Nhà máy Bàu Non.

- Định kỳ hàng quý Công ty thực hiện kê khai và đóng phí chất thải thông thường, phí nước thải công nghiệp đầy đủ. Thực hiện kê khai và đóng thuế tài nguyên nước đầy đủ theo quy định.

- Định kỳ 6 tháng một lần thực hiện báo cáo đầy đủ về: tình hình thực hiện giấy phép khai thác nước ngầm; xả thải; báo cáo an toàn hóa chất; báo cáo quản lý chất thải nguy hại cho Sở Tài nguyên Môi trường, Chi cục Bảo vệ Môi trường Tỉnh. Phòng Tài nguyên - Môi trường các Huyện, Thành phố, Sở Công Thương.

Trong năm đã được Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lại Sổ chủ nguồn thải; UBND Tỉnh cấp mới giấy phép khai thác nước ngầm cho 02 Nhà máy và giấy phép xả thải cho Nhà máy Phong Phú. Riêng Nhà máy Bàu Non, chờ Chi cục Bảo vệ môi trường sắp xếp thời gian đi lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước, bổ sung hồ sơ để Sở Tài nguyên-Môi trường thẩm định trình UBND Tỉnh cấp phép xả thải mới.

- Phòng Kỹ thuật-Đầu tư đang hoàn tất hồ sơ Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cho 02 Nhà máy chế biến Cao su để trình Sở Công Thương thẩm định phê duyệt nhằm đảm bảo tuân thủ đúng yêu cầu luật định.

8- Các hệ thống quản lý ISO 9001; ISO 14001 và chứng nhận sản phẩm SVR3L đạt TCVN 3769:2004.

Trung tâm chứng nhận phù hợp Quacert đã tiến hành đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn cao su thiên nhiên SVR3L đạt tiêu chuẩn TCVN 3769:2004 và đánh giá giám sát các hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004 của Công ty vào ngày 31/8/2015. Kết quả.

+ Cấp giấy chứng nhận sản phẩm số: SP 1104/1.15.12 theo quyết định số 6416/QĐ- Quacert, ngày 11/11/2015. Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn TCVN 3769:2004 có hiệu lực từ ngày 11/11/2015 đến hết ngày 10/11/2018.

+ Văn bản số 12478/Quacert-KT, ngày 16/11/2015 V/v Duy trì chứng nhận các hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004.

9-Quản lý đất đai :

- Điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp:

Để đảm bảo tính chính xác về diện tích đất thực tế đang sử dụng trồng cây cao su của Công ty trên địa bàn các huyện Xuyên Mộc, Châu Đức và Thành phố Bà Rịa. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND Tỉnh và sở Tài nguyên-Môi trường. Tháng 11/2015 Công ty đã làm việc với phòng Tài nguyên-Môi trường các Huyện& TP Bà Rịa. Có biên bản xác định diện tích đất nông nghiệp điều chỉnh giảm phục vụ điều chỉnh quyết định thuê đất năm 2006.

- Hoàn thành các báo cáo:

+ Kết quả rà soát hiện trạng quỹ đất đang quản lý sử dụng theo Thông tư 04/2005/TT-BTNMT ngày 18/7/2005 của Bộ Tài nguyên&Môi trường.

+ Kết quả rà soát phương án sử dụng đất, đo đạc lập bản đồ địa chính và cấp GCN theo Thông tư 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 của Bộ Tài Nguyên &Môi trường.

- Đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai đối với các khu đất đang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp như khu đất Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng, Văn phòng 02 Nông trường, Nhà máy chế biến mù Cao su Phong Phú... theo quy định của luật đất đai và kết luận thanh tra của Sở TN-MT.

10- Công tác thi đua khen thưởng:

11 - Thành tích của Công ty:

- Thủ tướng Chính phủ tặng giải thưởng Chất lượng quốc gia năm 2014 theo Quyết định số 332/QĐ-TTg ngày 10/3/2015.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Năm 2015 phải tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn hơn về tình hình tiêu thụ, giá cao su giảm sâu so với 3 năm trước (2012-2014). Hiện tượng El Nino tiếp tục ảnh hưởng làm cho thời tiết không thuận lợi, nắng hạn kéo dài, mùa mưa đến muộn và lượng mưa ít hơn lượng mưa trung bình hàng năm.

Với diện tích thanh lý 475,52 ha để trồng mới, tái canh theo kế hoạch 2015-2016 nhưng vẫn thiếu lao động cạo mù. Áp dụng chế độ cạo d/4 đối với vườn cây khai thác nhóm I của NTCS Phong Phú để giảm áp lực do thiếu lao động, bước đầu đạt kết quả khả quan về sản lượng, năng suất lao động tăng đáng kể và thu nhập của người lao động trực tiếp cao hơn năm 2014.

Ban Tổng Giám đốc đã tập trung chỉ đạo quyết liệt để nâng cao hiệu quả trong hoạt động SXKD và đầu tư XDCB, thực hành tiết kiệm kể cả cắt giảm chi phí không cần thiết, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu trồng mới, sản lượng khai thác, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách... năm 2015 cụ thể:

- Trồng mới	: 318,88 ha đạt 106,3%
- Sản lượng thực hiện	: 1.101,71 tấn, đạt 98,28 % KH.
- Tổng doanh thu và thu nhập khác	: 128.312,0 triệu đồng, đạt 122,20% KH.
- Lợi nhuận trước thuế	: 15.619,0 triệu đồng, đạt 411,02 % KH
- Nộp Ngân sách	: 11.956,0 triệu đồng, đạt 140,65 % KH.

Với kết quả, thành tích trên Công ty đã hoàn thành nhiệm-vụ năm 2015, kết thúc thắng lợi kế hoạch Nhà nước giao và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 5 năm (2011-2015).

11/01/2015

PHẦN THỨ II: PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2016

Năm 2016 là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 5 năm (2016-2020) trong bối cảnh nền kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu và tình hình chính trị bất ổn của một số nước. Tình hình kinh tế trong nước có những chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức.

Về Cao su, sản lượng cao su toàn cầu năm 2015 ở mức thấp, sẽ giúp giảm dự trữ sau khi giảm hơn 25% nhưng vẫn duy trì ở mức cao so với cuối năm 2014. Một số nước sản xuất cao su lớn như: Thái Lan, Indonesia, Ấn Độ dự kiến giảm sản lượng từ 10- 13,4%. Kinh tế Trung Quốc-nước tiêu thụ cao su lớn nhất thế giới tình trạng sản xuất tiếp tục trì trệ làm hạn chế nhu cầu sử dụng cao su thiên nhiên. Bên cạnh đó, giá dầu thô giảm mạnh làm giảm khả năng cạnh tranh của cao su thiên nhiên so với cao su tổng hợp, ảnh hưởng đến sự phục hồi giá cao su thế giới.

Theo dự báo năm 2016 và những năm tiếp theo giá cao su tự nhiên có nhiều khả năng duy trì ở mức thấp, tuy có hướng tăng nhẹ nhưng không đáng kể.

Điều đáng quan tâm hiện nay đối với Công ty là 02 Nông trường cao su trực thuộc là vườn cây có năng suất ở mức thấp so với năng suất bình quân của ngành trong khu vực Miền Đông Nam Bộ và chi phí vẫn ở mức khá cao. Do đó cần đưa ra nhiều giải pháp đồng bộ để nâng cao hiệu quả như tăng năng suất vườn cây, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, công tác quản lý khoa học, hiệu quả, thực hành tiết kiệm để thu hẹp dần biên độ giữa giá thành và giá bán, hoạt động SXKD cao su có lợi nhuận, đảm bảo thu nhập và đời sống của người lao động ổn định và không ngừng được nâng cao trong giai đoạn khó khăn hiện nay.

I.CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

1. Sản xuất cao su :

* **Tổng diện tích vườn cây: 2.055,27 ha. Trong đó:**

- Diện tích vườn cây khai thác : **853,83 ha**, Trong đó:

+ NTCS Hoà Bình 2: 571,56 ha (giảm 475,52 ha).

+ NTCS Phong Phú: 282,27 ha

- Diện tích trồng tái canh : **152,16 ha** (NTHB2)

- Diện tích chăm sóc cao su KTCB: **1.049,28 ha**, Trong đó:

+ NTCS Hoà Bình 2: 896,79 ha

+ NTCS Phong Phú: 152,49 ha.

- Lỗi phạm kỹ thuật bình quân của 01 CN cao su (Xếp hạng giỏi):

+ **Vườn cây cao su và ngựa dưới: 1,0 lỗi/CN/tháng.**

* **Chỉ tiêu kế hoạch giao năm 2016:**

- Tổng sản lượng: **1.254 tấn**. trong đó:

+ NTCS Hoà Bình 2: 799 tấn

+ NTCS Phong Phú: 455 tấn

- Số lượng mũ cao su chế biến: **1.650 tấn**, trong đó:

+ Nhà máy chế biến cao su Bàu Non: 1.150 tấn SVR, trong đó gia công 400 tấn, chất lượng SVR3L đạt 99%.

+ Nhà máy chế biến cao su Nông trường Phong Phú: 500 tấn RSS, trong đó gia công 50 tấn, chất lượng mũ RSS1-3 đạt 98% (RSS1: 85%)

2.Chế biến hạt điều :

- Gia công 3.000,0 tấn nguyên liệu nhằm tạo việc làm ổn định cho người lao động.

4. Các chỉ tiêu tài chính :

- Doanh thu: 66,95 tỷ đồng

- Nộp ngân sách : 7,5 tỷ đồng

- Lợi nhuận trước thuế : 2,15 tỷ đồng.

5. Tiền lương, tiền thưởng :

- Tiền lương: Thực hiện theo quy chế và phương án trả lương cho từng đơn vị, bộ phận trong Công ty; áp dụng phương pháp trả lương theo hệ số lương theo công việc và hiệu quả SXKD.
- Tiền thưởng: Thực hiện theo quy chế khen thưởng của Công ty, cần đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng phù hợp với thực tiễn từ hiệu quả của hoạt động SXKD năm 2016.

II/ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2016:

- Vốn đầu tư xây dựng trong năm 2016 với tổng mức đầu tư là **12.510,57 triệu đồng**, trong đó:
Phần vốn đầu tư trồng tái canh và chăm sóc vườn cây cao su: 11.043,97 triệu đồng.
- Nguồn vốn : Vốn của doanh nghiệp.

Stt	Nội dung công việc	Đvt	Khối lượng	Thành tiền
1	Nông trường cao su Hoà Bình 2			984,600.0
	Xây dựng tường rào bao quanh Nông trường	m	547	984,600.0
2	Nông trường cao su Phong Phú			410,000.0
	Tổ Nhà máy chế biến mủ cao su Phong Phú			
	Sửa chữa trần và mái lò xông số 1	m ²	75	60,000.0
	Nâng cấp hệ thống nước thải và xây thêm sân phơi bùn	m ²	200	350,000.0
3	Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non			72,000.0
	Thay mới xà gồ và tôn lợp mái nhà xưởng chế biến: 20m*18m	m ²	360	72,000.0
4	Diện tích cao su xây dựng cơ bản	ha	1,201.4	11,043,965.5
	* Trong đó:			
4.1	NTCS Phong Phú		152.49	781,102.9
	Chăm sóc năm 4	ha	89.16	546,670.7
	Chăm sóc năm 6	ha	29.80	162,235.9
	Chăm sóc năm 7	ha	33.53	72,196.3
4.2	NTCS Hoà Bình 2		1,048.950	10,262,862.6
	Chăm sóc bầu 3 tầng lá	bầu	20,000.0	44,468.8
	Trồng mới	ha	152.16	5,126,401.5
	Chăm sóc năm 2	ha	318.88	2,417,962.9
	Chăm sóc năm 3	ha	102.97	573,459.2
	Chăm sóc năm 4	ha	117.93	688,119.1
	Chăm sóc năm 5	ha	101.07	558,775.0
	Chăm sóc năm 6	ha	93.80	511,141.5
	Chăm sóc năm 7 & 8	ha	162.14	342,534.5
	TỔNG CỘNG			12,510,565.5
Tổng chi phí đầu tư XDCB năm 2016: 12.510.565.500 đồng, trong đó:				
- Chi phí đầu tư trồng mới và chăm sóc cao su thời kỳ XDCB: 11.043.965.500 đồng.				
- Các công trình xây dựng khác: 1.466.600.000 đồng.				

MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU :

1- Giao cho Phòng Kỹ thuật Cao su –Đầu tư & QLDD nghiên cứu, tham khảo và triển khai thực hiện các biện pháp quản lý kỹ thuật áp dụng trên vườn cây cao su để ứng phó với thời kỳ giá thấp năm 2016 và các năm tiếp theo:

* Về giải pháp kỹ thuật áp dụng cho vườn cây cao su trồng mới & KTCB.

- Thời vụ trồng mới, trồng dặm: kết thúc trồng mới và tập trung dặm hoàn thành ngay trong năm 1. (hạn chế trồng dặm năm 2).

- Phân bón: + Lượng phân theo quy trình kỹ thuật và tiến tới bón phân theo chẩn nghiệm dinh dưỡng.

+ Loại phân: Hữu cơ chọn lọc, NPK và hướng phân chậm tan.

+ Số lần bón: Từ 1-2 lần, theo địa hình và tuổi cây. Lưu ý cơ giới hóa công tác bón phân.

- Chăm sóc : Tăng cường cơ giới, hóa chất, giảm lao động thủ công. Kiểm tra vườn cây nào cần thiết phải chăm sóc với diện tích bao nhiêu ha? Giải pháp thực hiện công việc? Triển khai thi công theo yêu cầu thực tế, vừa hiệu quả thiết thực, đảm bảo quy định suất đầu tư.

- Thâm phủ: Trồng hỗn hợp Kudzu- Macura (giâm cành) sau xen canh cây ngắn ngày.

- Hiệu quả sử dụng đất xen canh: Tổ chức xen canh cây ngắn ngày và dài ngày trên hàng đơn hoặc kép theo Quy trình kỹ thuật. Đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp trên vườn cây cao su thời kỳ KTCB để đạt hiệu quả kinh tế tối ưu.

- Thực hiện được các giải pháp nêu trên, có thể giảm được nhu cầu lao động để tăng năng suất, tăng thu nhập cho Người lao động.

** Về giải pháp kỹ thuật áp dụng cho vườn cây kinh doanh:*

- Phân bón: Lượng phân bón theo tuổi cây và năng suất, giảm bình quân 35% lượng phân, bón 1 lần trong năm, loại phân hỗn hợp NPK. Tiến tới bón phân theo chẩn nghiệm dinh dưỡng.

- Phòng trị bệnh: Thường xuyên kiểm tra, phát hiện các bệnh hại trên vườn cây kịp thời để phòng trị nhằm hạn chế không để lây lan ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng. Qua kết quả sử dụng thuốc Rublax trị bệnh khô miệng cao rất hiệu quả, cần tiếp tục triển khai thực hiện cho cây phục hồi hoàn toàn. Đây là giải pháp nâng cao năng suất, sản lượng nhất là đối với Nông trường Hòa Bình 2. Đối với các lô cao su tại Nông trường Phong Phú có kế hoạch thanh lý giai đoạn 2017-2020 và các lô nằm trong diện tích đất thu hồi để xây dựng Trung tâm giáo dục Quốc phòng- An ninh của tỉnh thì có kế hoạch cạo tận thu trước 02 năm để gia tăng sản lượng.

- Sử dụng thuốc kích thích mù: Nếu sử dụng Rublax kích thích mù gia tăng sản lượng tốt thì có thể thay thế Ethephone nồng độ cao, sẽ hiệu quả hơn. Đồng thời tiếp tục thực hiện các biện pháp, giải pháp đã áp dụng mang lại hiệu quả tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 (nêu tại điểm 6, mục II, phần thứ nhất).

2- Về nhu cầu nhân lực nhất là đối với lao động cạo mù: Trên cơ sở lao động có mặt tại thời điểm cuối niên vụ khai thác mù 2015-2016, số lao động xin nghỉ việc và lao động xin tuyển dụng mới, Giám đốc 02 Nông trường sắp xếp, bố trí lao động hợp lý theo hướng:

- Áp dụng cạo chế độ d/4 trên toàn bộ vườn cây nhóm 1.

- Trong trường hợp vẫn còn thiếu lao động cạo mù có thể áp dụng cạo chế độ d/4 trên một phần diện tích nhóm 2, không để xảy ra tình trạng thiếu công nhân cạo phải bỏ trống vườn cây, Nông trường không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch.

Đối với công nhân chế biến mù, căn cứ vào kết quả kiểm tra của Tổ định mức lao động Công ty tại hai Nhà máy chế biến Cao su (Tháng 10/2015) để sắp xếp, bố trí lại lao động hợp lý. Thực hiện các giải pháp đề xuất của Tổ định mức ngay trong tháng 01/2016 để đảm bảo sử dụng đủ thời gian sản xuất 7 giờ/ngày công của công nhân chế biến mù năm 2016 nhằm nâng cao năng suất và tăng thu nhập cho người lao động.

3-Tiếp tục thực hiện biện pháp kiểm soát độ DRC hàng ngày, tận thu hết sản lượng vườn cây như giữ mù tạt qua đêm, mù dây... tăng cường công tác bảo vệ quản lý chặt chẽ, chống mất cắp, thất thoát mù.

4- Công tác tái canh, trồng mới trên diện tích 152,16 ha tại NT Hòa Bình 2 cần chuẩn bị sớm về phân bón lót, cây giống. Thời hạn hoàn thành trồng mới và trồng dặm vào ngày 15/7/2016 (sớm hơn 15 ngày). Hàng năm phải rà soát chi phí đầu tư trên diện tích theo từng năm tuổi để đảm bảo suất đầu tư nông nghiệp trên đơn vị ha từ lúc trồng mới cho đến thời điểm chuyển sang kinh doanh không vượt quy định.

5- Về giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Đề nghị Giám đốc các Nông trường, Xí nghiệp, Quản đốc Nhà máy cùng với Chủ tịch Công đoàn đơn vị và cán bộ chuyên môn rà soát kỹ mức tiêu hao thực tế trong các năm qua so với định mức hiện tại làm cơ sở quyết toán để xác định chênh lệch tỷ lệ %, sau đó đăng ký cụ thể tiết kiệm từng loại vật tư, hóa chất, nhiên liệu, củi chất đốt, điện, nước, văn phòng phẩm... Thời gian đăng ký phải trước 31/3/2016. Vấn đề này nhiều năm qua chưa làm được, mặc dù đã được đưa vào quy chế và thỏa ước lao động tập thể. Đây là

giải pháp nhằm tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm một cách thiết thực không mang tính phong trào, nói phải đi đôi với làm.

6- Về chế biến cao su: Cần tổ chức giám sát chặt chẽ nguyên liệu đầu vào để bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia 3769:2004. Tạo niềm tin, uy tín và thương hiệu sản phẩm TRC đối với khách hàng. Đối với sản phẩm gia công không kiểm soát được nguyên liệu đầu vào thì từ chối không nhận hợp đồng gia công. Sản phẩm gia công có nhãn hàng hóa riêng. Đối với hệ thống xử lý nước thải tại 02 Nhà máy phải vận hành đúng quy trình, nước thải ra môi trường phải đạt quy chuẩn nước thải công nghiệp chế biến cao su thiên nhiên QCVN: 01/2015-BTNMT của Bộ Tài nguyên - Môi trường.

7- Chế biến hạt điều: Xí nghiệp cần thu thập thông tin dự báo về thị trường hạt điều, xây dựng phương án gia công phù hợp với năng lực sản xuất để chủ động ứng phó trong SXKD, đảm bảo chỉ tiêu về lợi nhuận Công ty giao khoán năm 2016.

8- Cần cải tiến liên tục các Hệ thống quản lý: Ngày 15/9/2015 Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) đã chính thức ban hành tiêu chuẩn ISO 9001:2015 thay thế cho tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và tất cả các Giấy chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 sẽ hết hiệu lực sau ngày 14/9/2018. Tuy nhiên Giấy chứng nhận của Công ty chúng ta có hiệu lực đến ngày 15/9/2017 nên cần lưu ý thực hiện xây dựng kế hoạch chuyển đổi để đến thời điểm đánh giá chứng nhận lại áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Do đó ngay trong năm 2016 này cần phải cập nhật Hệ thống quản lý chất lượng để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn sửa đổi.

9- Về công tác thanh tra, bảo vệ:

Ban thanh tra- Bảo vệ Công ty, Giám đốc Nông trường phối hợp chặt chẽ với công an các Huyện, Xã và chính quyền địa phương thống nhất phương án, kế hoạch liên tịch năm 2016.

Căn cứ vào diễn biến tình hình thực tế trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn; công tác bảo vệ vườn cây, vật tư, sản phẩm cao su để xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020 thay cho kế hoạch 190 có nhiều điểm không còn phù hợp trong tình hình mới.

+ Điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp thuê trồng cây cao su; Lập các thủ đất đai đối với các khu đất đang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp như XNCBNSPH, VPNTCSPP, NMCBTAGSHL, Vườn lan, VPNTCSHB2, NMCBCSPP, Sân bóng đá NTPP.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

- Tổng tài sản cuối kỳ giảm so với đầu kỳ là 11,53 tỷ đồng; Nguyên nhân chủ yếu là do:

+ Tài sản ngắn hạn giảm 16,26 tỷ đồng, Trong đó:

Giá trị hàng tồn kho giảm 10,83 tỷ đồng; Các khoản phải thu 2,20 tỷ đồng; Tài sản ngắn hạn khác giảm 13,54 tỷ đồng; Trong khi đó Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 10,31 tỷ đồng.

+ Tài sản dài hạn tăng 4,73 tỷ đồng, Trong đó:

Tài sản cố định hữu hình giảm 15,30 tỷ đồng; tài sản vô hình giảm 0,06 tỷ đồng; Trong khi đó Chi phí XDCB dở dang tăng 19,27 tỷ đồng và tài sản dài hạn khác tăng 0,82 tỷ đồng.

- Hiệu quả sử dụng tài sản: Hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản năm 2015 là : 4,02% so với năm 2014 là 5,58% tương ứng với tỷ lệ giảm là 27,96%. Nguyên nhân là do lợi nhuận giảm.(Phân tích lợi nhuận giảm nêu trên).

- Về tình hình nợ xấu:

+ Khoản nợ 4.537.000.000,VNĐ phát sinh từ năm 2006 của DNTN Phát Hưng khoản nợ này công ty đã lập dự phòng phải thu khó đòi

+ Khoản nợ các Đại lý cám của Nhà Máy Chế biến thức ăn chăn nuôi Hưng Long là : 1.756.924.775,đồng (Đây là khoản nợ gốc đầu trong suốt thời gian dài làm đại lý cho nhà máy. Do tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, các đại lý này không đòi được tiền đã bán cám cho các hộ chăn nuôi do các hộ này không có tiền trả vì gia súc, gia cầm bị dịch bệnh.) do đó công ty đánh giá khả năng thu hồi thấp và đã lập dự phòng phải thu khó đòi.

- Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả cuối kỳ là 18,64 tỷ đồng giảm 11,21 tỷ đồng so với đầu kỳ. Các khoản nợ của công ty chủ yếu là khoản chi phí trích



trước, tiền lương phải trả người lao động... Công ty không có các khoản nợ quá hạn và không vay nợ bên ngoài.

3. **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

+ Về cơ cấu tổ chức : Hướng dẫn đến một cơ cấu tổ chức tinh gọn

4. **Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

- Đối với sản phẩm cao su : Tiếp tục duy trì khách hàng truyền thống, khi quy mô sản xuất được mở rộng như dự định sẽ nghiên cứu phát triển sang thị trường Mỹ, Nhật thông qua Hiệp Hội Cao su Việt Nam. Mục tiêu đặt ra là : Tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm nông sản năm sau cao hơn năm trước 8%. Năng suất vườn cây trên 1,8 tấn /ha. Tỷ lệ sản phẩm cao su sơ chế loại RSS1 98%, sản phẩm SVR3L 99%. Đời sống người lao động trong công ty ngày càng được ổn định và nâng cao hơn năm trước bằng đề án cải tạo và chăm sóc vườn cây.

- Đối với sản phẩm nông sản: Mở rộng thị trường nguyên liệu lên phía vùng cao nguyên trung phần; Nghiên cứu phát triển hoạt động chế biến và kinh doanh nông sản cụ thể là hạt điều.

5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).**

6. **Đánh giá giám sát cán bộ quản lý:**

1. **GIÁM ĐỐC NTCS HÒA BÌNH 2:**

1.1. Những điểm cần phát huy :

Trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất của Nông trường có những điểm nổi bật, đó là :

- Năm 2015 là năm mà Nông trường trồng mới, tái canh trên diện tích khá lớn 318,88 ha, gấp 3 lần so với các năm trước đây. Thời gian thi công từ ngày 01/4 và hoàn thành vào ngày 07/8/2015, về trước kế hoạch 8 ngày. Với 76 lao động trực tiếp thi công trồng mới thì bình quân 1 công nhân thực hiện 4,20 ha. Giám đốc Nông trường phát huy tính chủ động, có kế hoạch phân công công việc cho từng bộ phận, người lao động đảm nhiệm hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo thời gian ở mỗi công đoạn từ công tác chuẩn bị đất: Phóng nọc, thiết kế lô, khoan hố, bón lót... cho đến lập kế hoạch chi tiết cung cấp cây giống mua ngoài, cây giống do Nông trường sản xuất, bố trí cho từng lô trồng, thời điểm trồng. Chủ động về nhân lực, vật lực (máy cày: cày đất, khoan hố, vận chuyển phân, cây giống) không thuê máy bên ngoài thi công. Kết quả tại thời điểm kiểm kê ngày 01/01/2016, tỷ lệ sống đạt 98%, trong đó cây 3-4 tầng lá đạt 92%, cây cao su sinh trưởng và phát triển tốt.

- Cao su khai thác thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, lỗi phạm kỹ thuật bình quân của công nhân so với năm 2014, cụ thể:

+ Vườn cây nhóm I : 0,75 lỗi/CN/tháng (giảm 0,18 lỗi)

+ Vườn cây nhóm II : 0,74 lỗi/CN/tháng (giảm 0,23 lỗi)

- Tiếp tục đề ra các giải pháp cụ thể trong đề án nâng cao năng suất lao động, quản lý độ DRC đảm bảo tính ổn định so với năm trước. Kết quả đạt được là:

+ Năng suất lao động : 5.622 kg/Công nhân, (tăng 497 kg/người/năm)

Nguyên nhân: do thiếu lao động cạo mù, Nông trường chia thêm số lượng cây cạo cho công nhân. Tay nghề của công nhân thành thạo, kỹ thuật khai thác mù đa số đạt loại khá giỏi, xuất sắc.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, sử dụng đất đai, không để xảy ra tình trạng người dân lấn chiếm đất trên diện tích cây cao su.

- Không có người lao động vi phạm nội quy, kỷ luật của đơn vị phải đưa ra Hội đồng kỷ luật xem xét.

1.2. Những hạn chế cần khắc phục :

- Chưa thực hiện nghiêm túc chỉ đạo về giải pháp kỹ thuật chăm sóc áp dụng cho vườn cây trồng mới và kiến thiết cơ bản để giảm chi phí đầu tư như trước khi triển khai làm cỏ trên hàng,

giữa hàng thì Nông trường yêu cầu Công ty tiến hành khảo sát thực tế, có biên bản xác định khối lượng công việc, thời gian triển khai thực hiện và hoàn thành.

- Trước tình hình khó khăn về tiêu thụ và giá bán cao su giảm sâu. Nông trường vẫn chưa có đánh giá thực trạng năng suất, sản lượng trên 1 đơn vị diện tích để có giải pháp đề xuất Công ty nâng cao hiệu quả vườn cây khai thác của NTCS Hòa Bình 2 trong giai đoạn 5 năm (2016-2020) và các năm tiếp theo (Vấn đề này đề nghị Giám đốc NTCS Hòa Bình 2 nghiên cứu báo cáo).

- Năm 2014, Nông trường đề ra và thực hiện 1 số giải pháp đã đưa năng suất vườn cây tăng 29,2%, năng suất lao động tăng 21,9% và độ DRC tăng bình quân 2,27 độ so với năm 2013. Qua năm 2015, sau khi thanh lý vườn cây già, vườn cây năng suất thấp không hiệu quả. Vườn cây còn lại là nhóm I và đầu nhóm II có mật độ cây khai thác tương đối cao thì so với năm 2014 chưa đáp ứng đúng và khách quan cả 2 tiêu chí về năng suất và độ DRC

+ Năng suất vườn cây thực hiện: 1.065,6 kg/ha (giảm 25,4 kg/ha/năm).

+ Độ DRC bình quân: 26,62% (tăng 0,26%).

- Trong công tác quản lý, sử dụng lao động cạo mủ và áp dụng chế độ khai thác còn chủ quan dẫn đến phải bỏ trống diện tích thu hoạch mủ do thiếu lao động giữa năm. Cụ thể như năm 2014, Nông trường đã áp dụng chế độ cạo D/4 cho một phần vườn cây nhóm I, thì sang năm 2015 toàn bộ diện tích phân chia phần cây cho công nhân theo chế độ cạo D/3, mà không có phương án trong trường hợp thiếu lao động phải có giải pháp khắc phục kịp thời, hiệu quả.

2. GIÁM ĐỐC NTCS PHONG PHÚ:

2.1. Những điểm cần phát huy :

- Công tác chăm sóc vườn cây cao su XDCB đúng quy trình kỹ thuật; các quy định của Công ty; chỉ tiêu xanh thân trung bình từ năm thứ 3 đến năm thứ 7 đều vượt quy định về tiêu chuẩn của ngành, nhất là vườn cây năm thứ 7 hết thời kỳ kiến thiết cơ bản chuyển sang kinh doanh.

- Kỹ thuật khai thác mủ của công nhân duy trì khá tốt.

+ Vườn cây nhóm I: 0,27 lổ/CN/tháng (giảm 0,33 lổ)

+ Vườn cây nhóm II: 0,94 lổ/CN/tháng (giảm 0,86 lổ)

- Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Tổng Giám đốc về các giải pháp kỹ thuật linh động và có hiệu quả như: chuyển đổi chế độ cạo từ d/3 sang d/4 đối với toàn bộ vườn cây nhóm I, sử dụng thuốc Rub-Latex phòng chống và phục hồi cây khô miệng cạo và áp dụng thử nghiệm Rub-Latex kích thích mủ thay cho Ethephon nồng độ cao. Kết quả đạt được như sau:

+ Năm 2014, năng suất vườn cây tăng 19,7%; năng suất lao động tăng 26,3% và độ DRC tăng bình quân 1,14 độ so với thực hiện năm 2013.

+ Qua năm 2015, so với thực hiện năm 2014:

Năng suất vườn cây đạt 1.647 kg/ha/năm, tăng 96 kg, tỷ lệ tăng 6,2%.

Năng suất lao động: 8.365 kg/CN/năm, tăng 2.780,4 kg, tỷ lệ tăng 49,8%

Độ DRC bình quân: 30%, tăng 2,25%.

- Biện pháp tận thu mủ dây tiếp tục thực hiện năm thứ 4, số lượng mủ dây (chưa quy khô) công nhân thu nộp năm 2015: 3.778 kg, bình quân 72,7 kg/CN/năm (8 tháng có khai thác mủ).

- Thực hiện chế độ thưởng, phạt nghiêm minh, công khai đơn giá lương sản phẩm hàng tháng đến Người lao động, tạo được sự đồng thuận giữa Ban Giám đốc, Công đoàn và công nhân trực tiếp sản xuất.

- Việc sát nhập Nhà máy chế biến Cao su là đơn vị trực thuộc Nông trường đã mang lại hiệu ứng tích cực. Vừa tinh giảm bộ máy quản lý, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ Ban Tổng Giám đốc giao. Giải quyết kịp thời những vướng mắc trong sản xuất chế biến mủ, vấn đề nhân sự, định mức lao động và đảm bảo thu nhập cho Người lao động. Thể hiện rõ nhất là phân công lao động hợp lý, đề cao trách nhiệm của từng công nhân khi giao việc, phát huy sự đoàn kết của tập thể nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

- Là một trong những đơn vị thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng, Hệ thống quản lý môi trường khá tốt. Hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy luôn đảm bảo nước thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn loại B, vệ sinh công nghiệp đạt yêu cầu. Khuôn viên Văn phòng Nông trường và Nhà máy sạch sẽ, thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và PCCN.

2.2. Những hạn chế cần khắc phục :

-Cần đặc biệt chú trọng đến tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng, nhất là công tác tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt. Năm qua, có rất nhiều công nhân lao động giỏi, xuất sắc như: lĩnh vực khai thác đạt năng suất từ 9-10 tấn/người/năm, kỹ thuật: 0 lỗi. Lĩnh vực chăm sóc vườn cây XDCB đạt tỷ lệ cây sống và vanh thân trung bình theo tuổi cây cao hơn nhiều so với quy định của ngành. Nhà máy chế biến có nhiều công nhân tận tụy, trách nhiệm với công việc để có chất lượng đạt Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3769:2004... Nông trường cần quan tâm hướng dẫn, giúp đỡ những công nhân trực tiếp sản xuất, Nhóm tự quản, Tổ sản xuất có sáng kiến, giải pháp áp dụng trong thực tế sản xuất có hiệu quả cao để động viên, khen thưởng kịp thời, tôn vinh và tuyên dương tương xứng với thành tích đóng góp cho Nông trường.

- Xây dựng tinh thần đoàn kết, ý thức tổ chức kỷ luật lao động trong công nhân chế biến mù. Lãnh đạo Nông trường cần đặc biệt quan tâm đến công tác tư tưởng, nhất là trong giai đoạn khó khăn về giá cao su và thị trường tiêu thụ sản phẩm liên quan đến tiền lương và thu nhập của Người lao động.

3. QUẢN ĐỐC NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU BÀU NON :

3.1-Những điểm cần phát huy :

-Tuân thủ đúng quy trình chế biến mù cao su SVR.

- Sản phẩm cao su SVR-3L của Nhà máy đạt 100%, không có sản phẩm bị rớt hạng SVR5. Kiểm phẩm định kỳ 3 lần/năm đều đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3769:2004.

- Đánh giá giám sát định kỳ hàng năm của các tổ chức chứng nhận HTQL chất lượng, môi trường không có điểm không phù hợp. Nước thải ra môi trường đạt loại B.

- Công tác tiếp nhận mù nguyên liệu, xác định hàm lượng chất khô (DRC) của khách hàng nội bộ và bên ngoài khách quan, trung thực, chính xác. Không có phản ánh sự không hài lòng từ phía khách hàng hợp đồng gia công mù.

- Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và PCCN, khuôn viên văn phòng, nhà xưởng, kho sạch, đẹp, an toàn .

3.2- Những hạn chế cần khắc phục

- Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất của đơn vị. Quản đốc Nhà máy nên thường xuyên có mặt tại xưởng chế biến để kiểm tra quy trình, chất lượng mù nguyên liệu và thành phẩm hàng ngày, phát hiện và kịp thời xử lý các vấn đề liên quan như: sự cố dây chuyền thiết bị sản xuất, vận hành hệ thống xử lý nước thải, nhân sự, thời gian làm việc của bộ phận và người lao động...

- Ngay vào đầu niên vụ khai thác, chế biến năm 2015 (tháng 5) do thiếu sâu sát hoặc không kiên quyết trong công tác bố trí lao động cho phù hợp với năng lực chế biến thực tế dẫn đến dôi dư lao động, thời gian làm việc bình quân của người lao động trực tiếp trong các tháng 9, 10 mùa cao giá tăng sản lượng nhiều chỉ đạt chưa đến 70% so với quy định (khoảng 4 giờ 24 phút)/ lao động/ ngày). Vấn đề này ảnh hưởng đến thu nhập tiền lương của người lao động thấp.

- Một số vị trí công việc không cần thiết nhưng vẫn bố trí chức danh tổ trưởng hoặc phụ trách bộ phận gây lãng phí lao động, Nhà máy vẫn trả lương và phụ cấp. Phân công trách nhiệm chưa thực sự hợp lý đối với Tổ trưởng, Kế toán, Thủ kho, KCS như: tiếp nhận mù về số lượng, chất lượng nguyên liệu đầu vào; xác định hàm lượng DRC, đo độ pH mù, pha chế hóa chất... Kiểm tra chất lượng sản phẩm, số lượng thành phẩm và nhập kho hàng ngày.

- Trước tình hình sản phẩm tồn kho với số lượng nhiều, Quản đốc nhà máy có biện pháp chỉ đạo, tăng cường công tác kiểm tra bảo vệ tài sản không để xảy ra mất cắp, thất thoát nhất là vào ban đêm, ngoài giờ sản xuất, các cao điểm lễ, tết, ngày nghỉ không sản xuất...

- Đối với các thiết bị, vật tư của hệ thống xử lý nước thải đến cuối vụ chế biến, phải thực hiện theo đúng chỉ dẫn của nhà sản xuất, đơn vị hợp đồng thi công lắp đặt để tháo gỡ, bảo trì bảo dưỡng, kiểm tra xử lý để đảm bảo vào đầu vụ 2016 đưa vào vận hành an toàn.

- Khắc phục các đề nghị và yêu cầu của Đoàn kiểm tra môi trường Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong đợt kiểm tra đợt xuất vào tháng 1/2016.

4.- GIÁM ĐỐC XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN PHƯỚC HƯNG

4.1.- Những điểm cần phát huy:

- Tinh năng động trong chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động SXKD của Xí nghiệp, xử lý công việc kịp thời, có hiệu quả.

- Công tác tổ chức nhân sự tốt, bộ phận nghiệp vụ nắm vững các yêu cầu, quy định liên quan đến công tác quản lý tài chính, kế toán, kỹ thuật

- Năm 2015, tuy có khó khăn trong sản xuất kinh doanh điều nhân nhưng Giám đốc Xí nghiệp đã mạnh dạn đề xuất phương án thu mua, chế biến và kinh doanh trên 560 tấn điều nguyên liệu, đồng thời liên hệ với các Công ty bạn để ký hợp đồng gia công, duy trì việc làm ổn định cho công nhân, kinh doanh có lợi nhuận.

4.2.- Những hạn chế cần khắc phục.

- Cần đặc biệt quan tâm hơn nữa công tác vệ sinh môi trường tại xưởng chế biến, phải đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động sạch sẽ, thông thoáng, hạn chế bụi, nhiệt độ cao để nâng cao năng suất lao động và thu nhập của công nhân.

- Tiếp tục xem xét tài liệu đang áp dụng để có chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện nhằm cải tiến hệ thống, cần đưa sản phẩm gia công vào quy định kiểm soát của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

- Thực hiện tốt hơn nữa công tác ATVSLĐ và PCCN, bổ sung các bảng chỉ dẫn an toàn ở các phân xưởng sản xuất, các máy móc thiết bị, lò sấy, kho hàng...

- Quan tâm chỉ đạo công tác tổ chức hoạt động của các đoàn thể Công đoàn và Đoàn TNCS.

5.- PHÒNG TỔ CHỨC-HÀNH CHÍNH.

5.1.- Những điểm cần phát huy

- Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động, đảm bảo đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật lao động.

- Sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế Thi đua – Khen thưởng năm 2015 của Công ty phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua khen thưởng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện.

- Về công tác quản lý, theo dõi cập nhật sổ BHXH đối với người lao động chính xác và kịp thời. Quá trình kiểm tra phát hiện những sai sót kịp thời bổ sung, chỉnh lý để đảm bảo quyền lợi cho Người lao động khi có yêu cầu giải quyết chế độ, chính sách đúng pháp luật.

- Công tác hành chính, văn thư đáp ứng được yêu cầu của Lãnh đạo Công ty, của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008, nhất là quản lý hồ sơ, tài liệu, công văn đi đến.

5.2.- Những hạn chế cần khắc phục

- Chưa thực hiện được chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác xây dựng kế hoạch quy hoạch cán bộ hàng năm và phát triển đội ngũ lãnh đạo kế cận trong ngắn hạn và dài hạn.

- Việc xây dựng đơn giá tiền lương, trình Hội đồng tiền lương Công ty hàng năm vẫn chậm trễ. Đây là hạn chế nhiều năm qua vẫn chưa khắc phục được, làm ảnh hưởng đến các đơn vị trực thuộc trong việc xây dựng phương án trả lương cho Người lao động.

- Trong công tác tổ chức thi nâng bậc lương cho Người lao động toàn Công ty, cần lưu ý là để đảm bảo quyền lợi cho Người lao động phải tham mưu cho Ban Tổng giám đốc giải quyết kịp thời về thời hạn nâng bậc lương sau khi có kết quả thi và thời gian nâng bậc theo đúng quy định của pháp luật.

- Nhiệm vụ quan trọng cần đặc biệt lưu ý và thực hiện đã được nhắc nhở trong các năm gần đây nhưng chưa làm được đó là công tác tập huấn, huấn luyện PCCC theo yêu cầu của Luật định. Cần liên hệ với Sở cảnh sát phòng cháy chữa cháy để hợp đồng triển khai thực hiện trong năm 2016.

6.- PHÒNG KỸ THUẬT CAO SU -ĐÀU TƯ VÀ QLDD:

6.1.- Những điểm cần phát huy :

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về thị trường và giá cả cao su. Phân tích, nhận định tình hình báo cáo Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị tại các phiên họp, để lãnh đạo có định hướng và chỉ đạo hoạt động SXKD hiệu quả.

- Tham mưu kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc xem xét, chỉ đạo các giải pháp kỹ thuật áp dụng trong thời kỳ giá cao su thấp đối với vườn cây cao su ở 02 Nông trường như kế hoạch bón phân; chế độ cạo D/4 đối với vườn cây nhóm I; sử dụng thuốc Rub – Latex phòng chống và khôi

phục cây cao su khai thác khô miệng cạo xử lý kịp thời các bệnh hại trên vườn cây, nhất là bệnh phần trắng; giảm chi phí đầu tư trên vườn cây XDCB kể từ năm 2015 dưới 70 triệu/ha.

- Các năm gần đây vào đầu mùa khai thác mùa, công nhân xin nghỉ việc nhiều, số công nhân tuyển dụng mới tay nghề, kỹ thuật chưa thành thạo. Phòng đã nâng tần suất kiểm tra định kỳ, thay vì trước đây Công ty kiểm tra 3 tháng 1 lần, nay còn 2 tháng 1 lần. Kết quả điểm lỗi kỹ thuật bình quân của công nhân giảm rõ rệt, đạt mục tiêu chất lượng của Công ty đề ra.

- Trong công tác quản lý đất đai đã có nhiều cố gắng hoàn thành các báo cáo về thực trạng quản lý và sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm 2015 và giai đoạn 2016 – 2020 theo chỉ thị của Tỉnh và Sở Tài nguyên- Môi trường. Chính lý diện tích thuê đất nông nghiệp vào mục đích sử dụng trồng cây cao su. Kiểm tra tình hình sử dụng đất, công tác quản lý đất trồng cao su ở 02 Nông trường.

- Thực hiện việc giám sát, quản lý tuân thủ theo yêu cầu pháp luật về môi trường. Thường xuyên kiểm tra vận hành các hệ thống XLNT tại 02 Nhà máy chế biến cao su hoạt động ổn định, nước thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn loại B. Đoàn kiểm tra môi trường của Tỉnh đã kiểm tra đột xuất trong tháng 1/2016, kết quả đơn vị thực hiện tốt.

- Là Phòng chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý các hệ thống ISO 9001: 2008, ISO 14001: 2004 và sản phẩm SVR3L đạt chất lượng tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3769: 2004. Năm 2015 tổ chức chứng nhận trung tâm phù hợp Quacert đã đánh giá giám sát các HTQL được duy trì và đánh giá chứng nhận sản phẩm có giá trị thời hạn 3 năm (tháng 11/2015 – 11/2018).

6.2.- Những hạn chế cần khắc phục :

- Cần nghiên cứu và đề xuất sớm phương án trồng xen canh trên vườn cây tái canh trồng mới vào những năm tiếp theo để nâng cao hiệu quả sử dụng đất tại NTCS Hòa Bình 2 theo quy trình kỹ thuật.

- Qua theo dõi năng suất, sản lượng trên 1 đơn vị diện tích (ha) của 02 Nông trường trực thuộc Công ty thì NTCS Phong Phú ở mức trung bình (Năng suất vườn cây bình quân 2013: 1.296,4 kg/ha, năm 2014: 1.551,6 kg/ha và năm 2015: 1.647 kg/ha). Nông trường Hòa Bình 2 ở mức thấp (Năng suất vườn cây bình quân 2013: 844,3 kg/ha, năm 2014: 1.091 kg/ha và năm 2015: 1.065,6kg/ha). Vấn đề mà trong các phiên họp cuối năm HDQT thường đặt ra là tại sao năng suất vườn cây NTCS Hòa Bình 2 thấp, cần phân tích nguyên nhân để có giải pháp nâng cao năng suất vườn cây, gia tăng sản lượng, thu nhập người lao động ổn định, gắn bó với doanh nghiệp.

Phòng Kỹ thuật – Đầu tư và QLĐĐ phối hợp với Ban Giám đốc NTCS Hòa Bình 2 xem xét, đánh giá, phân tích từng lô về năng suất, sản lượng trên 01 đơn vị diện tích (ha).

- Hàng tháng thực hiện chức năng kiểm tra vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, quản lý môi trường theo quy định của Công ty.

7.- PHÒNG KẾ TOÁN-TÀI VỤ

7.1.- Những điểm cần phát huy :

- Thực hiện tốt vai trò của mình trong công tác tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty các vấn đề liên quan đến công tác kế toán, tài chính và hoạch định các kế hoạch liên quan đến tài chính;

- Kiểm soát tốt dòng tiền;

- Tham gia tích cực trong việc xây dựng các quy chế, tài liệu liên quan đến quản trị Công ty;

- Thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền kịp thời và đúng hạn;

- Công tác kiểm toán nội bộ, quyết toán tài chính kịp thời, đảm bảo yêu cầu của luật định và cơ quan quản lý cấp trên

- Hoàn thành các nghĩa vụ về thuế, BHXH, BHYT;

- Thanh toán các chế độ cho người lao động nhanh, chính xác;

- Thực hành tốt việc tiết kiệm chống lãng phí trong SXKD, XDCB;

7.2.- Những hạn chế cần khắc phục :

- Trường, phó phòng cần thường xuyên xuống cơ sở nông trường, nhà máy.

V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

+ *Đối với hoạt động quản trị:*

- Sửa đổi và ban hành các quy chế liên quan đến việc quản trị công ty nhằm tạo nên một phong cách làm việc chuẩn mực và khoa học trong toàn công ty;
- + *Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh* : thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch SXKD; Quản lý tốt hơn sản phẩm so với năm 2014 bằng các biện pháp như : Kiểm tra kỹ thuật thường xuyên, tăng cường công tác giữ mù qua đêm; Thực hiện tốt việc tiết kiệm chống lãng phí cụ thể như : Khoanh vùng diện tích bón phân vườn cây, không bón phân vào những diện tích đất trống, bón thủ công xen kẽ bón cơ giới; Thanh lý kịp thời những diện tích cây cao su có mật độ cây thấp dưới 300 cây/ha và năng suất dưới 900 kg/ha/năm nhằm từng bước ổn định vườn cây về năng suất và lao động;
- + *Đối với việc đào tạo và phát triển đội ngũ kế cận*: Tạo mọi điều kiện cho lớp trẻ có đủ năng lực và đạo đức được học tập và tham gia vào các vị trí quản lý cơ sở để dần dần thay thế trong tương lai;
- + *Về gia tăng giá trị tài sản của cổ đông* : Không làm thất thoát vốn và tài sản. Bảo đảm dòng tiền được đưa vào hoạt động kinh doanh phải đem lại lợi nhuận và từ đó làm tăng giá trị tài sản của của đông;

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

- Nhìn chung : Tuỳ từng trách nhiệm được phân công của từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tương đối tốt vai trò, nhiệm vụ theo phân công. Tuy nhiên, cần áp dụng triệt để hơn quy chế phân quyền để đề cao trách nhiệm cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Vẫn duy trì định hướng đã đề ra trong năm 2015.*

→ **Tài Chính** :

- Giảm thiểu đến mức thấp nhất tình trạng nợ bán hàng dây dưa;
- Không đầu tư và những dự án kém hoặc không hiệu quả, không có tính khả thi do thiếu khảo sát mang tính khoa học về nguồn nguyên liệu, thị trường tiêu thụ, khí hậu và chính sách pháp luật;
- Sử dụng đòn bẩy tài chính đúng thời điểm và có hiệu quả;
- Hạn chế đến mức thấp nhất các giao dịch và hoạt động SXKD kém hiệu quả có khả năng gây thất thoát vốn công ty;
- Sử dụng quỹ ĐTPT công ty để mua lại cổ phiếu quỹ đúng thời điểm nhằm bảo vệ giá trị tài sản của cổ đông;
- Chấm dứt tình trạng đầu tư ra ngoài ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của công ty.

→ **Quản trị doanh nghiệp**:

- + Phân định rõ và quán triệt vai trò, nhiệm vụ của HĐQT, cổ đông và Ban điều hành để quá trình ra quyết định của mỗi cấp là khoa học, hiệu quả và phục vụ cho mục tiêu lâu phát triển lâu dài của công ty , không chồng chéo, can thiệp quá sâu vào chức năng, nhiệm vụ của nhau. Việc phân định này sẽ được thể hiện rõ ràng hơn qua sửa đổi điều lệ, phân cấp phân quyền trong các quyết định đầu tư, nhân sự, tài chính...
- + Xây dựng hệ thống phân cấp, phân quyền trong quản trị, điều hành các hoạt động nhằm tăng tính trách nhiệm của cá nhân đồng thời phát huy được năng lực sáng tạo phục vụ tổ chức;
- + Tạo môi trường tốt để công tác kiểm tra giám sát đi vào thực chất, giúp cho chủ sở hữu, cho các cấp điều hành đi đúng con đường phát triển của công ty;
- + Tăng cường tính minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành;

→ **Nhân lực** :

- + Tận dụng vị thế mới sau tái cơ cấu để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ lành nghề thông qua tuyển dụng mới và sắp xếp lại.
- + Tìm kiếm cơ hội nhận hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp hoặc hỗ trợ đào tạo về kỹ thuật trồng mới, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su, nông sản từ Tập Đoàn Cao su hoặc Viện Nghiên Cứu Cao su Việt Nam để qua đó có thể nâng cao tay nghề và trình độ cán bộ kỹ thuật, đào tạo tốt hơn qua công việc thực tế.

+ Xây dựng chính sách đãi ngộ và môi trường làm việc theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp. Trong môi trường mới phát triển hơn về quy mô nhân sự và quy mô tài chính. Các chính sách nhân sự cần được xây dựng lại để đạt được mục tiêu khuyến khích trên phạm vi rộng, rõ ràng minh bạch và chuẩn mực

→ **Quản trị rủi ro:**

- Xác định rủi ro có khả năng gây thất thoát vốn của công ty là từ hoạt động đầu tư; Vì vậy, cần phải giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư thông qua tổ chức đấu thầu công khai hoặc lựa chọn phương pháp thuê tài chính;

- Lập dự phòng đối với các khoản nợ kinh doanh đã phát sinh;

- Thực hiện hợp đồng kỳ hạn khi có biến động thị trường xấu.

- Sẵn sàng hợp tác với các tổ chức tư vấn quản trị rủi ro có chuyên môn và kinh nghiệm cao.

→ **Công nghệ thông tin:**

- Áp dụng phương pháp quản lý hiện đại như sử dụng các phần mềm quản lý vườn cây, đất đai, nhân sự ...

- Đào tạo đội ngũ IT chuyên nghiệp;

- Trang bị phương tiện hiện đại phục vụ cho công tác quản lý bằng công nghệ thông tin.

→ **Mô hình tổ chức:**

Việc cơ cấu lại mô hình tổ chức sẽ được triển khai dựa trên những nguyên tắc sau:

- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và thể hiện đầy đủ trong các quy trình, quy chế công ty;

- Hoạt động tiếp thị, bán, phân phối sản phẩm là phân cấp theo chuyên môn và theo các địa bàn, nhưng hoạt động quản lý rủi ro, xử lý tác nghiệp được tập trung hóa từng bước phù hợp với trình độ quản lý và nhân sự thực tế. Cơ chế sẽ đạt được sự linh hoạt, nhanh nhạy trong kinh doanh nhưng lại tăng cường được quản lý rủi ro cho cả hệ thống.

- Sáp nhập các đơn vị trực thuộc sản xuất cùng ngành nghề và cùng địa bàn dân cư làm một nhằm tinh gọn bộ máy quản lý;

- Chuyên môn hoá công việc của phòng theo chức năng, nhiệm vụ được nêu trong quy chế phân quyền;

- Phân quyền cụ thể trong Ban Tổng giám đốc nhằm tăng cường trách nhiệm cá nhân khi tác nghiệp.

→ **Về sản xuất – kinh doanh :**

- Tập trung vào việc cải tạo và nâng cao năng suất, chất lượng vườn cây cao su hiện có;

- Chỉ phát triển tăng diện tích cao su khi có tính khả thi cao đối với dự án đầu tư trên cơ sở thẩm định tỷ mỉ và khảo sát thực tế; Việc đầu tư phải được minh bạch và công khai về tiến trình đầu tư;

- Nghiên cứu việc phát triển trồng cây ca cao xen canh nhưng phải ưu tiên bảo đảm không ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng và quy trình phát triển của vườn cây cao su;

- Thực hiện triệt để việc tiết kiệm chi phí nhằm từng bước ổn định giá thành ;

- Đề cao các cá nhân có những giải pháp sáng kiến có đóng góp thiết thực cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, qua đó có cơ chế khen thưởng tương xứng nhằm động viên các cá nhân tích cực đóng góp sáng kiến hữu ích cho đơn vị.

- Quan tâm cao đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động nhằm tạo được môi gắn kết bền chặt giữa người lao động và người sử dụng lao động;

VI. Quản trị công ty (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Phân loại	Tỷ lệ sở hữu CP
01	Lê Văn Lợi	Chủ tịch	TVĐH	30%(ĐD SHNN)
02	Nguyễn Hữu Mạnh Nhưông	Phó chủ tịch	TVĐH	21%(ĐD SHNN)
03	Đỗ Khắc Tùng	Thành viên	TVĐL	2,08%
04	Nguyễn Văn Thoại	Thành viên	Cổ đông lớn	5,19% (ĐD CĐL)
05	Nguyễn Nhật Thành Lâm	Thành viên	TVĐL	0.00%

Ghi chú:

→ TVĐL : Thành viên độc lập; TVĐH: Thành viên điều hành.

→ Ông Lê Văn Lợi có năm giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công Ty Cổ Phần Xuất – Nhập khẩu Nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Baria- Serece) mà Công ty Cổ Phần Cao su Thống Nhất là cổ đông với tỷ lệ cổ phần là 12%. Tổng số thành viên HĐQT của Baria- Serece là 10(mười) thành viên.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

- Tiểu ban nhân sự và tiền lương : Ông Đỗ Khắc Tùng làm Trưởng Tiểu Ban, Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm là thành viên chuyên trách.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

c.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Lê Văn Lợi	Chủ tịch	05	100%	
02	Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	P. Chủ tịch	05	100%	
03	Nguyễn Văn Thoại	Thành viên	05	100%	
04	Đỗ Khắc Tùng	Thành viên	05	100%	
05	Nguyễn Nhật Thành Lâm	Thành viên	05	100%	

c.2. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2015):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	1	10/02/2015	Phê chuẩn và trình ĐHCĐTN 2015 kết quả thực hiện phương án trả lương 2014
	2	10/02/2015	Chấp thuận giao cho Ban Tổng Giám đốc công ty thực hiện bán đấu giá cây cao su đứng trên diện tích 272,77ha năng suất thấp dưới 900kg/ha/năm
	3	10/02/2015	Trình Chủ sở hữu phê chuẩn phương án tiền lương 2015
	4	10/02/2015	Thông qua báo cáo đánh giá cán bộ quản lý cấp trung
	5	10/02/2015	Chấp thuận việc xử lý 10.450kg PAC tồn đọng hư hỏng; Trích lập dự phòng..
	6	10/02/2015	Điều khoản thi hành.
02	1	03/04/2015	Phê chuẩn nội dung Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2015;
	2	03/04/2015	Phê chuẩn thời gian, địa điểm Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2015;
	3	03/04/2015	Điều khoản thi hành.
03	1	05/05/2015	Giao Tổng Giám đốc công ty thực hiện phân phối lợi nhuận 2014, triển khai kế hoạch SXKD, ĐTXDCB, tiền lương 2015.
	2	05/05/2015	Giao Tổng Giám đốc công ty ký kết hợp đồng với Công Ty TNHH Kiểm Toán BDO tại TPHCM.
	3	05/05/2015	Điều khoản thi hành.
04	1	23/06/2015	Thông qua báo cáo ước thực hiện kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm 2015;
05	2	23/06/2015	Chấp thuận giao Tổng Giám đốc công ty chi khen thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp

			theo Quyết định số : 1166/Qđ-UBND ngày 03/06/2015;
	3	23/06/2015	Chấp thuận trích quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2014 là 100.000.000,đ
	4	23/06/2015	Điều khoản thi hành.
06	01	21/07/2015	Sáp nhập Nhà Máy chế biến cao su Phong Phú vào Nông trường cao su Phong Phú;
	02	21/07/2015	Điều khoản thi hành;
07	01	21/09/2015	Thông qua báo cáo ước thực hiện kế hoạch SXKD 9 tháng đầu năm 2015;
	02	21/09/2015	Thông qua kế hoạch dòng tiền 2015-2018;
	03	21/09/2015	Thông qua kết quả thanh tra của Cục Thuế tỉnh BRVT theo Quyết định 6215/QĐ-CT ngày 14/09/2015 của Cục Thuế tỉnh BRVT;
	04	21/09/2015	Điều khoản thi hành.
08	01	29/12/2015	Thông qua báo cáo ước thực hiện kế hoạch SXKD năm 2015 để trình ĐHĐCĐTN 2016 xem xét ;
	02	29/12/2015	Thông qua kế hoạch tài chính 2016 và dự báo tình hình giá tiêu thụ cao su 2016;
	03	29/12/2015	Chấp thuận cử Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường và Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại công ty.
	04	29/12/2015	Điều khoản thi hành;

d) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT

e) Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tiểu ban nhân sự và tiền lương đã tham gia vào việc soạn thảo quy chế trả lương, thưởng đối với người lao động trong công ty..

f) Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập : Tham gia giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

g) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. *Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.*

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP
01	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng Ban KS	0,0005%
02	Đoàn Thị Kim Hạnh	Thành Viên BKS	0,0025%
03	Hà Phú Quý	Thành viên BKS	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: *(đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).*

Trong năm 2015, Ban Kiểm Soát tổ chức 02 cuộc họp vào ngày 27/06/2015 và ngày 30/12/2015 nhằm đánh giá hoạt động giữa kỳ và báo cáo kết quả hoạt động trong năm.

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: *(Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng quyết toán năm 2014 và tạm ứng 2015	Phụ cấp HDQT & BKS quyết toán 2014 và tạm ứng 2015
01	Lê Văn Lợi	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	472.878.819	66.667.000
02	Lê Như Sinh	Phó Tổng Giám đốc	343.537.731	
03	Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	P.Chủ Tịch HĐQT kiêm PTGD	425.920.255	66.667.000
04	Đỗ Khắc Tùng	Thành Viên HĐQT	16.500.000	53.000.000
05	Nguyễn Văn Thoại	Thành Viên HĐQT	16.500.000	53.000.000
06	Nguyễn Nhật Thành Lâm	Thành Viên HĐQT – PP.KT-TV	209.856.587	53.000.000
07	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng Ban KS kiêm GDNTTP	186.305.780	53.000.000
08	Đoàn Thị Kim Hạnh	Thành Viên BKS	88.968.104	35.333.000
09	Hà Phú Quý	Thành Viên BKS	115.890.445	35.333.000
10	Trần Văn Thành	Trưởng Phòng TCHC	233.305.285	
11	Lê Thị Kim Chi	Phó phòng TCHC	174.674.337	
12	Châu Thanh Danh	Phó Phòng KTĐT&QLDD	195.392.510	
13	Lê Thị Ngọc Lan	Phó Phòng KTĐT&QLDD	180.935.942	
14	Phan Đức Vinh	GD XNCBNS Phước Hưng	303.335.716	
15	Vương Quang Khải	QĐ NMCBCS Bàu Non	97.062.672	
16	Vũ Ngọc Thịnh	GD NTCS HB2	139.638.695	
	Tổng cộng		3.200.702.878	416.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch lũy kế đến 31/12/2015 (VNĐ)
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn (chiếm 5,19% vốn điều lệ)	Bán cây cao su gãy đổ	240.030.000
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Giám đốc là Thành viên HĐQT	Mua phân hữu cơ vi sinh	450.120.000
Công ty TNHH Lê Danh	Giám đốc là vợ CT.HDQT kiêm Tổng Giám Đốc	Mua nhiên liệu	1.099.900.000

Nguyễn Văn Thoại	Thành viên HĐQT	Cho thuê xe	216.000.000
Châu Thị Hồng Diệp	Vợ CTHĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Xuất chi phí gia công mù cao su	36.931.650
		Mua mù RSS	518.347.500

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: *(Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).*

VII. Báo cáo tài chính (Kèm phụ lục : BCTC đã kiểm toán)

1. Ý kiến kiểm toán:
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán *(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp).*

Xác nhận của đại diện
theo pháp luật của Công ty



Lê Văn Lợi